

**Đại Phương Quảng Phật
Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một,
Tịnh Hạnh Phẩm
Phần 7**

**大方廣佛華嚴經
(十一) 淨行品**

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội
Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

Tập 1475

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm thứ mười một, tức phẩm Tịnh Hạnh, đoạn thứ hai trong phần kinh văn trường hàng. Đoạn này toàn là các câu hỏi do Trí Thủ Bồ Tát nêu ra, có tất cả hai mươi câu “vân hà” (云何, như thế nào). Đoạn đầu tiên trong phần trước là “*tổng vấn kỳ quả*” (hỏi chung về quả); trong mười đoạn sau đó, mỗi đoạn chỉ dùng một chữ “vân hà”, những câu tiếp đó đều tinh lược [chữ “vân hà”]. Vì vậy, phần trường hàng gồm có mười đoạn. Nói chung, [toàn bộ kinh văn trong phẩm Tịnh Hạnh] gồm mười một đoạn, mười đoạn sau đó (tức mười đoạn sau phần “*tổng vấn kỳ quả*”) nhằm nói riêng biệt [từng hạng mục], chúng tôi vẫn tính số thứ tự của từng đoạn trong toàn thể phẩm kinh cho dễ nói. Nói theo tổng thể, đoạn kinh văn này là đoạn thứ hai. Chúng ta đọc kinh văn một lượt:

(Kinh) Vân hà đắc sanh xứ cụ túc, chủng tộc cụ túc, gia cụ túc, sắc cụ túc, tướng cụ túc, niệm cụ túc, huệ cụ túc, hạnh cụ túc, vô úy cụ túc, giác ngộ cụ túc.

(經)云何得生處具足，種族具足，家具足，色具足，相具足，念具足，慧具足，行具足，無畏具足，覺悟具足。

(Kinh: Làm thế nào để được chỗ sanh đầy đủ, chủng tộc đầy đủ, nhà đầy đủ, sắc đầy đủ, tướng đầy đủ, niệm đầy đủ, huệ đầy đủ, hạnh đầy đủ, vô úy đầy đủ, giác ngộ đầy đủ?)

Thanh Lương đại sư bảo đoạn này thuộc về Di Thực Quả trong năm loại quả, cũng gồm có mười câu hỏi. Trong Hoa Nghiêm, “mười” biểu thị sự vô tận. Vì thế, chúng ta chẳng thể coi “mười” như một con số. Phải coi nó là “viên mãn”, viên mãn rốt ráo, chẳng bị khuyết hãm, mang ý nghĩa ấy. “Mười” biểu thị ý nghĩa ấy! Tôi tin là các đồng học niệm kinh Di Đà rất nhuần nhuyễn, kinh Di Đà dùng “bảy” để biểu thị pháp, “bảy” cũng nhằm biểu thị sự viên mãn. Nói “bảy” là nói

theo Đông, Tây, Nam, Bắc, đây là bốn, [cộng thêm] phương trên và phương dưới thành sáu, còn có một phương ở chính giữa, ở ngay trung tâm, [nên gộp thành bảy], nó cũng biểu thị sự viên mãn. Vì thế, “bảy” và “mười” chẳng sai biệt về mặt ý nghĩa; nói chung, [cứ hiểu] chúng biểu thị sự viên mãn là được rồi! Trong phần Sớ, Thanh Lương đại sư có giảng giải, chúng ta vẫn xem lời giải thích của Ngài. Chúng ta khế nhập Hoa Nghiêm, hai vị đại đức là Thanh Lương đại sư và Lý Trường Giả bầu bạn làm hướng dẫn viên du lịch cho chúng ta. Các Ngài là hai vị hướng dẫn viên du lịch rất giỏi.

(Sớ) Thập sự, Du Già cụ thích.

(疏) 十事, 瑜伽具釋。

(Sớ: Mười sự ấy được giải thích cặn kẽ trong luận Du Già)

Trong Du Già Sư Địa Luận đã có giải thích rất tỉ mỉ. Điều thứ nhất...

(Sớ) Thường sanh trung quốc hữu Phật pháp xứ.

(疏) 常生中國有佛法處。

(Sớ: Thường sanh ở trung tâm của quốc gia là nơi có Phật pháp).

Đây là lời giải đáp cho câu hỏi thứ nhất, [tức câu] “*vân hà đắc sanh xứ cụ túc*” (làm thế nào để được chỗ sanh về trọn đủ), trả lời cho câu hỏi ấy. Chữ “*trung quốc*” ở đây chẳng phải là Trung Hoa trong hiện thời, ngàn muôn phần đừng hiểu lầm! Tương phản với “*trung quốc*” là “*biên địa*”. Nếu nói theo kiểu hiện thời, “*trung quốc*” nghĩa là chỗ đô hội có trình độ văn hóa rất cao, có ý nghĩa này. Hơn nữa, ở nơi ấy nhất định là đặc biệt phải có Phật pháp trọn vẹn. Nếu chỗ nào chẳng có Phật pháp, sẽ gọi là “*biên địa*”, chẳng gọi là “*trung quốc*”. Trong tương lai, khi chư vị thấy chữ “*sanh trung quốc*” trong kinh luận, ngàn vạn phần đừng hiểu lầm!

Phật giáo truyền đến Trung Hoa đã hai ngàn năm. Vào năm Vĩnh Bình thứ mười (năm 67 công nguyên) đời Hán Minh Đế, hoàng thượng phái sứ tiết¹ qua Tây Vực, thỉnh hai vị cao tăng đại đức là Ma Đằng và Trúc Pháp Lan sang Trung Hoa; đây là Tăng Bảo. Các Ngài mang theo tượng Phật và kinh Phật; do vậy, Tam Bảo trọn đủ, Phật Pháp Tăng Tam Bảo chánh thức truyền sang Trung Hoa, được triều đình và dân chúng Trung Hoa hoan hỷ tiếp nhận. Trong lịch sử có ghi chép chuyện này. Tương truyền, Minh Đế nằm mộng. Nhà vua có một giấc mơ rất lạ lùng, mơ thấy một người toàn thân có sắc vàng ròng, đến từ Tây Phương, phóng quang minh rất lớn. Ngày hôm sau, nhà vua kể cho các vị đại thần biết chuyện trong mộng. Trong số đó, có một vị quan có kiến thức hết sức phong phú, thưa: “Tâu hoàng thượng! Ngài trông thấy người vàng, có thể đây là vị được gọi là Phật Đà ở Tây Vực”. Do vậy, nhà vua rất thích thú, liền phái sứ giả mang tiết việt sang

¹ Sứ tiết (使節): Sứ giả cầm cờ tiết, phủ việt.

Tây Vực xem thử. Nếu có, hãy thỉnh Ngài đến Trung Hoa. Nhân duyên là như thế đó, Phật giáo được truyền sang Trung Hoa!

Tại lãnh thổ Trung Hoa, cơ sở văn hóa hết sức thích hợp cho Phật giáo sanh trưởng. Vì chúng ta đều biết, Phật giáo là sư đạo. Chúng ta nói đến Phật giáo, chẳng phải là nói đến tôn giáo, mà là [nói đến] giáo huấn của đức Phật, hoặc là nói đến sự giáo dục của đức Phật, giống như chúng ta nói đến Khổng giáo, tức là nền giáo dục của Khổng lão phu tử và Mạnh phu tử. Bởi lẽ, Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, mà là sự giáo dục, là giáo học, chúng ta nhất định phải biện định rõ ràng điều này! Sư đạo nhất định được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Sự giáo dục của người Hoa nói đến “*hiếu đạo*”, đó là cái cốt lõi. Xưa kia, những người đọc sách đều biết: “*Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu để nhi dĩ hĩ*” (Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu để mà thôi). Vì sao nhắc đến Nghiêu Thuấn? Nghiêu Thuấn cách hiện thời khoảng chừng bốn ngàn năm, trước đó còn có [những nhân vật lịch sử khác], xét theo thời gian [tồn tại] của lịch sử Trung Hoa, phải là gần tới năm ngàn năm. Vì sao hễ chúng tôi nói tới giáo dục bèn nhắc tới Nghiêu Thuấn? Trong thời đại Nghiêu Thuấn, chánh phủ mới chánh thức thiết lập quan chức trông coi sự dạy học, giống như bộ Giáo Dục trong hiện thời. Chánh phủ có một cơ cấu chuyên môn quản trị sự giáo dục như vậy, vào thời đại Nghiêu Thuấn mới có chuyện này. Trước đó thì sao? Trước đó đã có giáo dục, nhưng chánh phủ chẳng thiết lập quan chức chủ quản để gánh vác trách nhiệm này. Sự giáo dục trước kia toàn là gia giáo.

Vì vậy, người ngoại quốc nói: Trong bốn nền văn minh lớn vào thời cổ của thế giới, ba nền văn minh kia đều biến mất, riêng Trung Hoa vẫn tồn tại. Do nguyên nhân gì? Họ nói có thể là do người Hoa chú trọng nền giáo dục gia đình. Cách nói ấy hoàn toàn chánh xác, chẳng sai tí nào! Giáo dục Trung Hoa từ xưa tới nay là gia giáo, chẳng có ai không coi trọng sự giáo dục trong gia đình, ai nấy đều biết, nhà nào cũng đều biết. Vì lẽ ấy, giáo dục luân lý đạo đức chẳng phải là kể từ thời Nghiêu Thuấn mới bắt đầu, nhưng Nghiêu Thuấn thiết lập Tư Đồ (司徒); đó là tên của một chức quan chủ quản giáo dục. Dạy điều gì? Dạy dỗ luân lý đạo đức, mãi cho đến những năm cuối đời Thanh, [tức là] hơn bốn ngàn năm, cách giáo học truyền thống Trung Hoa chẳng bị gián đoạn. Vào đời Nguyên, người Mông Cổ vào làm chủ Trung Hoa, nhà Thanh là do người Mãn Châu vào làm chủ Trung Hoa, [hai triều đại Nguyên và Thanh] đều kế thừa truyền thống giáo dục của Trung Hoa. Đặc biệt là vào đời Thanh, mấy vị đế vương khai quốc nhà Thanh đã phát huy rực rỡ giáo dục luân lý đạo đức, cho nên nhà Thanh có thể thống trị Trung Hoa hai trăm sáu mươi năm, chẳng phải là không có đạo lý. Nếu chẳng phải vì những vị đế vương cuối triều Thanh lơ là chuyện giáo dục, chẳng coi trọng như tổ tiên họ xưa kia, thế lực của quốc gia [đâu đến nỗi] suy sụp. Cuối cùng bị vong quốc!

Chúng ta lắng lòng quan sát những bài học lịch sử ấy, sẽ biết nền giáo dục truyền thống hết sức trọng yếu. Chánh quyền để cho kẻ khác nắm giữ chẳng sao hết, chỉ cần nền giáo dục truyền thống vẫn tồn tại, quốc gia và dân tộc sẽ tồn tại. Nếu chúng ta chẳng có sự giáo dục truyền thống, vậy thì đúng là nền văn minh

cuối cùng trong bốn nền văn minh lớn thời cổ cũng chẳng còn, cũng bị tiêu mất trên địa cầu, biến thành chuyện lịch sử! Điều này hết sức đáng tiếc! Chúng ta thấy hiện thời, đâu là nền giáo dục của cổ thánh tiên hiền cũng chẳng được coi trọng cho mấy, nhưng tại các quốc gia lân cận, xứ coi trọng [sự giáo dục truyền thống] nhất trong hiện thời là Đại Hàn, họ đạt thành tựu khá nhất. Tại hải ngoại, tôi chú tâm quan sát, thấy những học giả ngành Hán Học tại các quốc gia như Anh và Đức chẳng đơn giản. Khi tôi đến thăm, gặp mặt tôi, họ nói tiếng Phổ Thông rất khá, khiến cho tôi cảm thấy hết sức kinh ngạc, chúng tôi không cần phiên dịch. Đối với sách vở Hán Học của Trung Hoa, xác thực là họ thâm nhập. Những quốc gia khác tuy cũng có nghiên cứu Hán Học, vẫn không mạnh bằng họ. Họ thật sự nhận biết, thật sự thông hiểu, có hứng thú sâu đậm đối với Hán Học. Cũng khó trách Tiên Sĩ Thang Ân Tử (Arnold Toynbee) là một sử gia kiêm triết gia của nước Anh đã nghiệm nhiên phát biểu: “*Để giải quyết các vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Hoa và Đại Thừa Phật pháp*”, thật sự thông suốt!

Đại học Nguru Tân (Oxford) và đại học Kiêm Kiều (Cambridge) là những đại học nổi tiếng nhất của nước Anh, nghiên cứu Hán Học khá lắm. Nhưng ở Luân Đôn, chúng tôi phát hiện, thật sự có nghiên cứu [sâu sắc nhất] đối với Hán Học, chẳng phải là hai ngôi trường ấy, mà là đại học Luân Đôn. Tuy không nổi tiếng bằng hai đại học trên đây, nhưng xác thực là đối với chuyện nghiên cứu Hán Học, bọn họ đứng đầu các nước, rất đáng khiến cho chúng ta bội phục. Tôi đến viếng thư viện của đại học Luân Đôn, thấy họ lưu trữ không ít các sách cổ của Trung Hoa. Nhân viên phụ trách thư viện cho tôi biết họ có một số sách cổ, số lượng khá lớn, niên đại đã quá lâu. Những quyển sách ấy hễ lật ra sẽ bị hư nát, họ cũng rất lo lắng. Sau khi tôi xem xong, [bảo họ] người Hoa dùng một phương pháp là bôi sách, giống như bôi tranh vậy, [tức là] phía sau [mỗi trang], sẽ dán thêm một trang giấy lụa mỏng, những quyển sách ấy sẽ có thể lại bảo tồn từ năm trăm năm trở lên. Tôi bảo họ: “Các vị có bao nhiêu sách như vậy, hãy soạn mục lục, có bao nhiêu quyển, mỗi quyển có bao nhiêu trang, đưa sang Trung Hoa bôi sách”. Chúng ta cũng có nghĩa vụ giúp đỡ họ, kho báu văn hóa là sở hữu chung của hết thảy chúng sanh trên thế giới, hy vọng trong nhà trường sẽ có người nghiên cứu, phát huy rạng rỡ, “*vị cổ thánh kế tuyệt học, vị vạn thế khai thái bình*” (tiếp nối cái học tuyệt diệu của những bậc thánh nhân thời cổ, mở ra nền thái bình cho muôn đời).

Do vậy, “*trung quốc*” ở đây [có nghĩa] là nơi chốn có trình độ văn hóa cao, có nền giáo dục của đức Phật thì gọi là “*trung quốc*”. Nếu sanh vào chỗ ấy, quý vị mới có cơ hội tiếp xúc Phật pháp. Nói thật ra, nhận biết Phật pháp hết sức chẳng dễ dàng. Bản thân tôi từ nhỏ sau khi tiếp nhận sự giáo dục trong nhà trường, ngay cả trong sách giáo khoa (sách giáo khoa cấp Tiểu Học) đều nói “Phật giáo là mê tín”. Tiên sinh Tôn Trung Sơn đến chùa miếu đập nát tượng Phật. Sách giáo khoa luôn nói [tôn giáo là] mê tín, phá trừ mê tín; quan niệm này đã được khắc họa hết sức sâu đậm [trong tâm lý đại chúng]. Phật giáo vào thời Mạt Pháp, người giảng kinh, thuyết pháp, thông hiểu Phật giáo quá ít, chúng tôi chẳng có cơ hội tiếp xúc,

một mục coi Phật giáo là mê tín. Có lúc đến chùa miếu là để du ngoạn ngắm cảnh, nhìn ngắm những di tích Phật giáo thời cổ được lưu lại, [bởi lẽ] đạo tràng đều là những kiến trúc ở các chỗ có non nước đẹp đẽ. Chúng tôi coi chúng như những địa điểm để du ngoạn ngắm cảnh, chẳng xem trọng văn hóa của chúng.

Hơn năm mươi năm trước, đã năm mươi bốn năm rồi, tôi ở Đài Loan được quen biết tiên sinh Phương Đông Mỹ. Khi ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, theo thầy học Triết Học. Hết sức khó có là thầy dành thời gian để giảng cho tôi một khóa Triết Học Khái Luận, giảng từ phương Tây sang phương Đông, cuối cùng nói đến Ấn Độ. Chương cuối cùng là nói đến triết học trong kinh Phật. Tôi cảm thấy hết sức kinh ngạc: - Kinh Phật là mê tín, làm sao có thể là triết học cho được? Thầy bảo: “*Anh không hiểu!*”, thầy giảng: “*Triết Học trong kinh Phật mới là đỉnh cao nhất trong Triết Học trên toàn thế giới. Học Phật mới là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Lúc đó, tôi nghe mấy câu ấy hết sức rúng động! Khi ấy, tôi bèn hướng về lão nhân gia thỉnh giáo, thưa: “*Vì sao lão nhân gia biết? Thầy học với ai?*”

Ngay khi đó, thầy bảo tôi: Trong thời gian kháng chiến, thầy dạy học tại đại học Trung Ương. Thuở đó, đại học Trung Ương ở Trùng Khánh². Có một khoảng thời gian thầy bị bệnh, bạn bè đề nghị thầy đến tu dưỡng tại núi Nga Mi. Núi Nga Mi là một trong bốn đại thánh địa của Phật giáo Trung Hoa, tôi đã từng đến đó. Thầy ở trên núi, nhất là giao thông và thông tin thuở đó hết sức bất tiện. Trên núi, chẳng có nhật báo, mà cũng chẳng có tạp chí; ngoài kinh Phật ra, thứ gì cũng đều chẳng có. Vì thế, trong khi dưỡng bệnh, Phương tiên sinh mỗi ngày kiếm một ít sách vở để xem, bèn xem kinh Phật. Càng xem, càng thấy thú vị! Từ đây trở đi, thầy kết duyên với kinh Phật, có thể nói là suốt đời chẳng gián đoạn. Ngài thông thuộc kinh điển, khá nhiều đoạn kinh văn trọng yếu Ngài có thể đọc thuộc lòng, khiến cho chúng tôi bội phục năm vóc sát đất.

Bậc đại hòa thượng giảng kinh, thuyết pháp trong Phật môn, nói đến kinh Phật chẳng thuộc bằng thầy. Thầy đọc rất nhiều, xem hằng ngày, đọc hằng ngày. Vì vậy, thầy bảo tôi: “*Nếu anh muốn học Phật, chẳng cần đến chùa miếu, chẳng cần tìm những vị hòa thượng*”. Tôi hỏi: “*Vậy thì đến nơi đâu?*” “*Trong kinh điển. Phật giáo thật sự ở trong kinh điển*”. Lời nói ấy áp dụng vào thời đại đó cũng chẳng sai tí nào! Nhân duyên tiếp xúc kinh Phật của tôi là như vậy. Thoạt đầu tiếp xúc kinh Phật có thái độ như vậy là do Phương tiên sinh dạy, chịu ảnh hưởng rất lớn bởi thầy. Đến chùa miếu chẳng biết lạy Phật, tâm cung kính thì có, nhưng chẳng hiểu các thứ lễ tiết. Đến chùa miếu, bèn hỏi: “*Quý vị có lầu tàng kinh hay không?*” “*Có, thư viện!*” “*Trong chùa miếu có Đại Tạng Kinh hay không?*” Trong chùa Thiện Đạo ở Đài Bắc có Thư Viện Thái Hư (Thái Hư Đồ Thư Quán) để kỷ niệm Thái Hư đại sư. Thuở ấy, mấy vị trụ trì đều là đồ đệ của Thái Hư, cất giữ không ít sách vở nhà Phật. Chúng tôi thấy vậy rất hoan hỷ, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ đều đến thư viện Thái Hư để xem kinh Phật. Do thuở ấy kinh điển lưu thông

² Thời Kháng Chiến chính là thời gian Nhật Bản xâm chiếm Trung Hoa. Chánh quyền Quốc Dân Đảng phải bỏ các thành phố lớn rút sâu vào nội địa, thiên đô sang Trùng Khánh thuộc tỉnh Tứ Xuyên. Trường đại học Trung Ương là trường đại học lâm thời, tập trung các vị giáo sư của bốn trường đại học nổi tiếng tại Bắc Kinh thuở ấy.

với một số lượng rất nhỏ, chẳng thể mua được ở bên ngoài, cho nên chỉ đành tự mình sao chép những gì hay nhất, quan trọng nhất. Thầy dạy tôi: “Kinh điển nào anh có thể đọc thì hãy chép lại, sao chép kinh”. Tôi đã sao chép chẳng ít. Nhập môn từ chỗ này! Đây chính là “*chỗ có Phật pháp thì được gọi là trung quốc*”.

Thứ hai...

(Sớ) *Chủng tộc tôn quý, phi hạ tiện đẳng.*

(疏) 種族尊貴，非下賤等。

(Sớ: *Chủng tộc tôn quý, chẳng phải là hạng hèn kém...*)

[Đây chính là nói đến] “*chủng tộc cụ túc*” (chủng tộc trọn đủ). Điều kiện thứ nhất hết sức trọng yếu. Quý vị sống ở chỗ ấy là nơi có văn hóa Phật giáo, quý vị sẽ có cơ hội tiếp xúc [Phật giáo]. “*Chủng tộc cụ túc*” tự nhiên sẽ sanh ra ảnh hưởng rất lớn đối với sự tu học của chúng ta, [bao gồm] sự tu học của chính mình và sự giáo hóa của người khác. Đây là một bối cảnh rất tốt! Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, Ngài thuộc vương tộc, bản thân Ngài là vương tử, phụ thân là một vị quốc vương. Ngài lại còn là con trưởng, sẽ thừa kế ngôi vua. Chuyện này đúng như người thế gian nói: “Luôn mơ mộng mong cầu”. Có người nào trong thế gian chẳng cầu phú quý? Còn có gì tốt đẹp hơn phú quý? Thích Ca Mâu Ni Phật biết có thứ còn tốt đẹp hơn phú quý. Vì thế, Ngài từ bỏ vương vị, buông bỏ vinh hoa, phú quý để học Phật. Chuyện này có lý lắm chứ! Ngài chẳng phải là kẻ nghèo hèn [đến nỗi] chẳng có áo mặc, chẳng có cơm ăn, vì bất đắc dĩ mà phải tìm đến Phật môn hồng cầu cuộc sống yên ổn. Chẳng phải vậy! Trong pháp thế gian, thứ gì Ngài cũng chẳng thiếu, vì sao phải làm hạnh này?

Từ truyện ký của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong Đại Tạng Kinh có Thích Ca Phương Chí và Thích Ca Phổ, sau khi đọc xong, chúng tôi mới hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật từ bi tội bậc. Ngài thấy cuộc sống của người trong thế gian quá khổ, thường nói là “*bát khổ giao tiền*” (tám nỗi khổ chen nhau nung nấu), [tức là] sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương phải chia lìa, oán ghét mà phải gặp gỡ, năm Âm hừng hực, quá nhiều phiền não! Nói theo đòi người, những vấn đề ấy chính là những vấn đề to lớn, xác thực là những vấn đề bức thiết cần phải giải quyết! Chánh trị chẳng có cách nào giải quyết, mà quân sự cũng chẳng có cách nào! Thuở trẻ, Thích Ca Mâu Ni Phật võ nghệ cao cường, Ngài xác thực là một vị tướng quân hoặc nguyên soái rất giỏi, nhưng Ngài chẳng làm chuyện ấy! Công thương nghiệp, khoa học kỹ thuật như trong hiện thời, đều chẳng thể giải quyết! Cái duy nhất có thể giải quyết, thật sự giúp đỡ [người đòi giải quyết những vấn đề ấy], chỉ có sự giáo dục của thánh hiền. Vì thế, lúc mười chín tuổi, Ngài lià khỏi gia đình, tìm thầy, hỏi bạn, đi tham học khắp nơi.

Nói theo kiểu hiện thời, cổ Ấn Độ có bao nhiêu học giả và chuyên gia, Thích Ca Mâu Ni Phật đều đến thân cận, đều đến bái phỏng. Ngài cảm thấy học vấn của họ đều chẳng rốt ráo, chẳng viên mãn; cuối cùng, trở lại bên sông Hằng, tĩnh tọa dưới cội Bồ Đề, tu Định. Ngài khai ngộ trong Định, Định đến một mức độ nhất định, sẽ hoát nhiên đại ngộ. Ngộ gì vậy? Nói theo cách hiện thời, đây

cũng là cách nói trong Phật giáo, “*chân tướng của vũ trụ và nhân sinh*”. Hễ nói “*tánh, tướng, sự, lý, nhân, quả*”, sáu chữ ấy đã bao gồm trọn hết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Sau khi đã giác ngộ, Ngài không trở về nước làm vua, mà theo đuổi công tác dạy học, dùng thân làm gương, những gì Ngài đã nói thảy đều làm được. Ngài dạy kẻ khác thấy thấu suốt, Ngài thật sự thấy thấu suốt. Ngài dạy kẻ khác buông xuống, Ngài thật sự buông xuống.

Kinh Bát Nhã dạy: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. Khi chẳng có ai thỉnh giáo Ngài, tâm Ngài giống như nước lặng, chẳng sanh một niệm. Đây là Căn Bản Trí, vô tri. Có người hướng về Ngài thỉnh giáo, bất luận quý vị đem vấn đề gì hỏi Ngài, Ngài đều đối đáp lưu loát, chưa bao giờ cần phải suy nghĩ. Quý vị hỏi, Ngài liền trực tiếp giải đáp, trí huệ hiện tiền. Sau khi đã giác ngộ vào lúc ba mươi tuổi, Ngài theo đuổi chuyện dạy học, dìu dắt một nhóm học trò trong lãnh thổ Ấn Độ rộng lớn như thế. Trong lịch sử, vùng đất ấy được gọi là Ngũ Ấn Độ, tức Bắc Ấn Độ, Đông Ấn Độ, Tây Ấn Độ, Nam Ấn Độ, lại còn có [khu vực] trung gian (Trung Ấn Độ). Chúng ta biết lẽ hành thuở ấy đều là đi bộ, chẳng có công cụ thay thế cho chuyện đi bộ! Dấu chân đức Phật in khắp Ngũ Ấn Độ, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm. Dòng dõi vua chúa mà có thể bỏ ngôi vua để làm công tác ấy, đương nhiên là những kẻ bình phàm nghe nói đến thân phận và địa vị của Thích Ca Mâu Ni Phật đều chẳng hoài nghi. Ngài đề xướng bình đẳng. Cổ Ấn Độ hết sức bất bình đẳng, giai cấp rất nghiêm ngặt, tức là Bà La Môn, Sát Đế Lợi, đây là [giai cấp] quý tộc, [ngoài ra còn có] bình dân và nô lệ. [Phân chia] giai cấp rất ngặt nghèo! Lão nhân gia đề xướng bình đẳng, bình đẳng tôn trọng, bình đẳng yêu thương, che chở, bình đẳng quan tâm, bình đẳng học tập.

Học trò [của đức Phật] đông đảo, chúng ta gọi toàn thể các vị ấy là “*Tăng đoàn*”. Đức Phật đã vì Tăng đoàn chế định Lục Hòa Kính, chính là quy củ mà mọi người nhất định cùng nhau tuân thủ, [bao gồm] sáu điều hòa kính. “*Kiến hòa đồng giải*”: Nay chúng ta nói là “*phải kiến lập nhận thức chung*”. Cách nhìn của chúng ta đối với hết thảy người, sự, vật, đều phải rất gần giống như nhau. Điều này hết sức quan trọng. Điều thứ hai là “*giới hòa đồng tu*”. Phải vâng giữ pháp, trong đó, quan trọng nhất là Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Giới, oai nghi, nhất định phải tuân thủ. Giáo học như vậy sẽ sanh ra ảnh hưởng rất lớn, người theo học với Ngài ngày càng đông! Quý vị thấy Ngài chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt chủng tộc, chẳng phân biệt tôn giáo. Vào thời cổ, Ấn Độ là một quốc gia tôn giáo, bất luận là tín đồ của tôn giáo nào, quý vị đến học với đức Phật, Ngài đều hết sức vui thích dạy bảo quý vị. Hoàn toàn chẳng khuyên quý vị thay đổi tín ngưỡng tôn giáo, chẳng hề có! Quý vị chẳng thấy trong kinh Phật đã ghi chép chuyện ấy. Quý vị theo đạo Bà La Môn, vẫn cứ tín ngưỡng đạo Bà La Môn. Quý vị chỉ theo Ngài cầu trí huệ, cầu học vấn. Lại nữa, Ngài tôn trọng tất cả các tôn giáo, chẳng phê bình, khó có lắm! Vì thế, chủng tộc cũng là chuyện hết sức trọng yếu, nó có sức ảnh hưởng.

Nhưng cũng không nhất định! Ví như ở Trung Hoa, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư chẳng phải là quý tộc, Ngài là thường dân. Lại còn chưa hề đi

học, chẳng biết chữ, xuất thân là dân lao động nặng. Ngài làm công việc gì? Đản Kinh đã nói rất rõ ràng, Ngài bán củi, là một tiểu phu. Mỗi ngày, lên núi đốn củi, đủ số lượng, bèn gánh xuống núi, gánh đến thành trấn là chỗ có đông người để bán. Cái nghề ấy hết sức vất vả! Lúc tôi học tiểu học tại Phước Kiến, tức Kiến Âu thuộc vùng Mân Bắc của tỉnh Phước Kiến. Kiến Âu là một thành phố lớn. Khi đó, mỗi nhà đun nấu, do thuở đó chưa có than đá, toàn là đốt củi, đây là thứ chẳng thể thiếu khuyết! Một là mua củi, hai là mua nước, vì thời ấy chưa có nước máy. Do vậy, có rất nhiều người múc nước bên sông, gánh đến thành thị bán. Một gánh nước giá mấy cắc, một gánh củi cũng là mấy cắc, rất rẻ! Ngài bán củi, thu được tiền, mua một ít gạo, một chút đồ ăn, trở về nhà phụng dưỡng mẹ già.

Sự thành tựu của Ngài có duyên khác hẳn; Ngài được Ngũ Tổ thưởng thức, truyền y bát cho Ngài. Khi được truyền, Ngài chỉ mới hai mươi bốn tuổi. Vì thế, có những kẻ chẳng phục, truy lùng Ngài khắp nơi, toan đoạt y bát trở về, “gã ấy há có đủ tư cách?” Bất đắc dĩ, Ngài đến ẩn thân trong đội thợ săn suốt mười lăm năm. Mười lăm năm sau, khi chuyện ấy đã lắng xuống, kẻ tìm Ngài đã suốt một thời gian dài mà chẳng tìm thấy, coi như hết chuyện. Duyên đã chín muồi, Ngài gặp pháp sư Ấn Tông. Thuở ấy, pháp sư Ấn Tông là một vị cao tăng đại đức ở Lãnh Nam (thuộc vùng Quảng Đông hiện nay), thông Tông, thông Giáo, là một vị đại pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, được rất nhiều người kính ngưỡng. Pháp sư Ấn Tông rất lỗi lạc, gặp Lục Tổ, pháp sư Ấn Tông chẳng có tâm ganh tỵ. Nếu [pháp sư Ấn Tông] ôm lòng ganh tỵ, hãm hại, Lục Tổ đã xong đời! Lục Tổ gặp được một người thật sự rất lỗi lạc! Pháp sư Ấn Tông hỏi han minh bạch, Huệ Năng đại sư mong cầu được xuất gia, Sư liền thế độ cho Tổ. Sau khi đã thế độ, lại trở ngược bái Tổ làm thầy. Tôi nói chuyện này là “*nước dâng, thuyền cao*”. Pháp sư Ấn Tông đề cao Tổ, Tổ lập tức nổi danh! Đại hòa thượng Ấn Tông bái ông ta làm thầy, ông ta còn chẳng phải là bậc tuyệt diệu ư? Ông ta phải là nhân vật cỡ nào? Duyên bất đồng! Nếu Lục Tổ chẳng gặp pháp sư Ấn Tông, có thể là suốt cả một đời chẳng ai biết tới Tổ. Duyên có mối quan hệ quá lớn!

Trong xã hội hiện thời, cũng nhấn mạnh chuyện xuất thân và chủng tộc, nhưng quan niệm chẳng giống với quan niệm xưa kia. Người hiện thời coi trọng bằng cấp, Trung Hoa lẫn ngoại quốc đều là như vậy. Quý vị xuất gia, mà là phân tử trí thức cao cấp, tốt nghiệp đại học, hoặc đạt được học vị Thạc Sĩ, hay đạt được học vị Tiến Sĩ, tự nhiên là quý vị xuất gia sẽ khác hẳn! Quý vị giảng kinh, thuyết pháp, mọi người sẽ tôn trọng quý vị, quý vị có học vị cao ngần ấy mà! Vì thế, chẳng ít người xuất gia trẻ tuổi vào học tại các trường đại học nhằm mục đích giành lấy học vị. Có chánh xác hay không? Điều ấy có tất yếu hay không? Nói thật ra, chẳng tất yếu! Điều trọng yếu nhất vẫn là phải tuân thủ truyền thống, quý vị đổ công dốc sức sâu xa nơi kinh giáo, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, sau mười năm, hai mươi năm, quý vị trở thành chuyên gia. Tuy chẳng có bằng cấp, nhưng tôi đã đổ công dốc sức nơi môn này sâu hơn quý vị rất nhiều, chẳng thể phủ nhận điều ấy! Quý vị nêu câu hỏi, tôi có thể giải đáp; tôi nêu câu hỏi, quý vị trả lời không được. Đây đều là sự thật!

Vì lẽ này, tôi thường bảo các vị pháp sư trẻ tuổi: - Chúng ta đã có cơ duyên này, được làm thân người, nghe Phật pháp. Nhất định là phải chọn lựa một môn trong kinh giáo Đại Thừa để thâm nhập một môn. Chính mình đã có thể khế nhập cảnh giới, sau đấy mới có thể giáo hóa người khác. Chẳng cần cầu tiếng tăm, lợi dưỡng! Cổ nhân nói: “*Thật chí danh quy*” (Đã có thực chất tốt bậc thì tiếng tăm sẽ đồn tới), người ta sẽ tự nhiên tôn trọng quý vị. Quý vị lại còn có cơ hội biểu lộ, hằng ngày giảng kinh, mỗi ngày lên bục giảng; trong số thánh chúng, chẳng thiếu người là Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, có rất nhiều nhân vật danh giá, hàng học giả, chuyên gia ngồi nghe ở dưới. Tôi thường nói tôi là một tấm gương tốt. Tôi chỉ học hết cấp hai, học Trung Học được nửa năm bèn bị thất học. Vì thế, suốt đời này, học tập rất vất vả. Điều khó có là gặp gỡ mấy vị thầy tốt nhiệt tâm dạy bảo. Thuở đó, tôi nghèo hèn đến tốt bậc, thầy nhiệt tâm dạy bảo, chẳng lấy học phí, tôi hết sức cảm ơn. Sau khi học thành công, một mực đi giảng, bục giảng chính là chỗ để tôi học tập. Thánh chúng đều là thầy, đều là các vị giám học của tôi, tôi quyết định chẳng dám khinh mạn, dạy và học giúp nhau tăng trưởng. Không ngừng nâng cao đức hạnh và học vấn của chính mình như vậy! A! Bây giờ đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta tiếp tục đọc đoạn kinh văn thứ hai một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc sanh xứ cụ túc, chủng tộc cụ túc, gia cụ túc, sắc cụ túc, tướng cụ túc, niệm cụ túc, huệ cụ túc, hạnh cụ túc, vô úy cụ túc, giác ngộ cụ túc?

(經)云何得生處具足，種族具足，家具足，色具足，相具足，念具足，慧具足，行具足，無畏具足，覺悟具足。

(Kinh: Làm thế nào để được chỗ sanh sẽ đầy đủ, chủng tộc đầy đủ, nhà đầy đủ, sắc đầy đủ, tướng đầy đủ, niệm đầy đủ, huệ đầy đủ, hạnh đầy đủ, vô úy đầy đủ, giác ngộ đầy đủ?)

Trong buổi học trước, chúng tôi đã nói đến “*chủng tộc cụ túc*”, chuyện này có thể ảnh hưởng rất mạnh. Nhân duyên của sự ảnh hưởng ấy rất phức tạp! Nếu nói bằng một câu tổng quát, sẽ là “*nhân duyên trọn đủ*”. Nhân duyên bao quát quá nhiều, những thứ ấy đều được gộp trong một câu này! Bởi lẽ, gia tộc có thể khiến cho đại chúng và người đời sau sanh khởi tín tâm. Thứ ba là...

(Sớ) Sanh tín hướng Tam Bảo, tu thiện chi gia, phi ngoại đạo đẳng gia.
(疏) 生信向三寶修善之家，非外道等家。

(Sớ: Sanh trong nhà tin tưởng Tam Bảo, tu thiện, chẳng phải là nhà của bọn ngoại đạo).

Đấy là “*gia cụ tức*”. Điều này là duyên phận, nhưng cũng chẳng nhất định! Ví như bản thân tôi chẳng có điều này! Cha mẹ và gia tộc tôi chẳng hề tín ngưỡng Phật pháp. Mẹ tôi tuy vào ngày tết, ngày lễ, có đến chùa, đến miếu thờ thần để dâng hương, nhưng toàn là thuộc loại mê tín! [Dâng hương để] cầu trời Phật che chở bình an, cầu Phật, cầu thần phù hộ bình an, phù hộ thăng quan, phát tài, toàn là quan niệm như vậy. Cách nghĩ ấy thuộc loại mê tín! Sanh trong gia đình tin tưởng Tam Bảo, tu thiện, nhất định là người ấy có cơ sở hết sức tốt đẹp, chúng ta có thể tưởng tượng được chuyện này. Từ nhỏ đã được Phật pháp hun đúc, cái duyên ấy quá thù thắng, rất khó gặp gỡ! Trong một đời này, nói theo chính bản thân tôi, nếu chẳng gặp tiên sinh Phương Đông Mỹ, người nào khuyên tôi học Phật, tôi cũng chẳng thể tiếp nhận! Trong sự cảm nhận của chính mình, đối với một vị trưởng thượng mình kính ngưỡng nhất, tôn trọng nhất, những lời từ chính miệng của vị ấy thốt ra sẽ khiến cho chúng ta tin tưởng trọn vẹn.

Tuy chúng tôi chẳng hoàn thành học nghiệp thế gian, nhưng đây là một loại học vấn khác. Do được Phương tiên sinh giới thiệu, tôi chẳng hoài nghi Phật pháp. Biết chuyện ấy xác thực là như thầy đã nói, [Phật pháp xác thực] là đỉnh cao nhất của triết học; học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Kể khác chẳng biết đến sự hưởng thụ ấy, nhưng người đọc sách Nho có thể hiểu được ít phần. Đó gọi là “*Khổng Nhan chi lạc*” (niềm vui của Khổng Tử, Nhan Hò). Câu đầu tiên mở đầu sách Luận Ngữ là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? Nhân bất tri nhi bất uân, bất diệc quân tử hồ?*” (Học rồi tập luyện, cũng chẳng vui sao? Có bạn từ phương xa đến thăm, cũng chẳng sướng sao? Người ta chẳng biết mà không tức giận, cũng chẳng phải là bậc quân tử ư?) Dùng ba câu ấy để hình dung niềm vui do học Phật, quý vị mới thật sự thấu hiểu ít phần, thật sự vui sướng, đấy là hưởng thụ. Sự hưởng thụ ấy chẳng phải là tiền tài, chẳng phải là của cải, chẳng phải là địa vị, chẳng phải là quyền thế, mà là cảnh giới không ngừng nâng cao hơn! Trong xã hội, chúng ta suốt đời giữ vững bốn phận của chính mình. Tôi chọn lựa nghề nghiệp này, tức xuất gia, cũng chẳng do chính tôi chọn lựa, mà là do Chương Gia đại sư thay tôi chọn lựa. Lão nhân gia rất miệng buốt lòng khuyên tôi: “Chẳng cần làm gì khác, anh chẳng phải là người thích hợp để làm chuyện gì khác. Hãy chăm chỉ học Phật, hoằng pháp lợi sanh!” Tôi hết sức tôn trọng thầy, rất nghe lời, là học trò ngoan. Lão nhân gia đã chọn lựa cho tôi, tôi liền xác định đi theo con đường ấy!

Cổ đức đã nói về con đường ấy rất hay: “*Hoằng pháp là gia vụ*”. [Hoằng pháp là] việc nhà của chúng ta, chuyện của chính mình là y giáo tu hành, hoằng pháp lợi sanh. Đấy là chuyện thuộc về bốn phận của bản thân chúng ta. Đời này tôi đã làm được. Trừ chuyện này ra, bất cứ chuyện gì khác tôi cũng đều chẳng bận tâm. Cho nên đến hiện thời, vào độ tuổi này, tôi chẳng có đạo tràng, chẳng có tịnh xá. Nơi tôi trụ là của người khác, quyền sở hữu thuộc về người khác. Tôi nói “tôi có quyền sử dụng, chẳng cần quyền sở hữu”, rất tự tại! Chẳng có đồ chúng. Tuy dạy học hằng ngày mà cũng chẳng có học trò; nghiêm nhiên có nhiều kẻ nói họ là đồ chúng hoặc là học trò của tôi. Đó là do họ nói, chẳng phải là do

tôi nói! Nhất định phải hiểu điều này! Hằng ngày đọc kinh, hằng ngày giảng kinh, thời gian lâu dài, bất tri bất giác bèn dần dần khế nhập. Thật sự vui sướng! Phiên nào ít, trí huệ tăng trưởng, vọng tưởng, phân biệt ngày càng ít đi. Hằng ngày nghĩ tưởng chuyện gì? Nghĩ tưởng kinh văn, kinh giáo, đức Phật nói như thế nào, ta phải nên học như thế nào, ta phải nên giúp đỡ kẻ khác ra sao. Nghĩ tưởng những chuyện ấy, hết sức đơn thuần! Mấy chục năm qua, tuy ở đô thị, nhưng trên thực tế vẫn là ẩn cư như cổ nhân đã nói, “*ẩn cư nơi đô thị*”. Nơi đô thị có nhiều chuyện lắm, nhưng tôi nhất loạt không biết, không xem TV, không xem nhật báo, không đọc tạp chí, không nghe radio. Vì thế, mỗi ngày [luôn cảm thấy] thiên hạ thái bình.

Hễ phát sanh đại sự gì, có những tin đồn sẽ kể với tôi những tin tức ấy. Vì thế, tôi cũng có thể hiểu đôi chút, biết một ít. Trước nay, chính mình chẳng tiếp xúc, như vậy thì cái tâm mới có thể định được. Định sanh ra Huệ, Huệ có thể giải quyết vấn đề. Do vậy, năm 1998, tôi đến Tân Gia Ba, duyên cũng rất thù thắng. Có một lần ngẫu nhiên tôi nói với cư sĩ Lý Mộc Nguyên:

- Nếu muốn cho thế giới hòa bình, nhất định phải là các phe phái chẳng còn đối lập, có thể hóa giải sự kỳ thị chủng tộc, tôn giáo đối xử hòa thuận với nhau, mới có thể giải quyết vấn đề này! Nhưng đối với ba vấn đề lớn ấy, thực hiện từ tôn giáo sẽ dễ dàng hơn. Vì sao? Phàm là tín đồ tôn giáo, sẽ đều tin tưởng thần, họ có một điểm trung tâm. Hễ nắm được điểm trung tâm ấy, tức là “*thần yêu thương g đời*”, [đối với] nhà Phật là đại từ đại bi. Phật pháp là gì? “*Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Đấy chính là “*thần yêu thương người đời*”, “*Thượng Đế yêu thương người đời*”.

Tôi nói [do những điều ấy, sẽ] có thể đoàn kết tôn giáo. Ông ta nghe nói rất thích thú, chủ động liên lạc giùm tôi, liên lạc với chín tôn giáo tại Tân Gia Ba, tuyệt quá! Tôi liền bỏ ra một chút thời gian, ông ta tháp tùng tôi đến thăm từng tôn giáo một, kết bạn; đến cuối cùng, chín tôn giáo biến thành người một nhà. Tổng Thống Tân Gia Ba thuở ấy là tiên sinh Vương Đỉnh Xương thấy vậy hết sức hoan hỷ. Tôi đã gặp vợ chồng ông Vương Đỉnh Xương vài lần. Họ rất tán thán chuyện chúng tôi đã làm!

Ở chỗ nhỏ bé ấy, chúng tôi đã thực hiện ba năm, tổ chức ba lần dạ tiệc thân mật, các tôn giáo cùng nhau ăn mừng năm mới. Lần đầu tiên là năm 1999, ba ngàn tám trăm người tham gia. Lần thứ hai là năm 2000 Dương Lịch, có bảy, tám ngàn người tham gia. Lần thứ ba là năm 2001, dự đoán sẽ có hơn vạn người [tham dự]. Do trong lần cuối cùng, Thủ Tướng Tân Gia Ba làm khách danh dự của chúng tôi; đấy là người lãnh đạo quốc gia, cho nên nhân viên bảo vệ sẽ đông hơn, cẩn thận hơn. Nhưng họ cũng nói với chúng tôi, hy vọng số người [tham dự sẽ] không đông lắm. Do vậy, chúng tôi phỏng chừng là năm ngàn người, thế mà hôm ấy, thật sự có gần tám ngàn người tham dự, làm rất thành công. Mấy quốc gia phụ cận đều có đại biểu đến tham dự, như Mã Lai, Indonesia, Việt Nam, Cao Miên, Thái Lan, Phi Luật Tân, gần như là mấy vị chủ quản tôn giáo của quốc gia, hoặc các vị đại đức có tiếng tăm, có địa vị trong tôn giáo. Vì thế, kết giao bằng hữu

càng nhiều hơn cũng là do nhân duyên như thế đó. Tôi tạo lập mối quan hệ rất tốt đẹp với Nam Dương.

Rời khỏi Tân Gia Ba, chánh phủ Úc đặc biệt cấp giấy phép nhập cảnh cho tôi, đối xử hết sức lịch sự. Ở Úc, tôi bèn có duyên phận, giúp họ đoàn kết tôn giáo, giúp họ đoàn kết các sắc tộc. Đối với chuyện này, chánh phủ Úc đã lập ra một cơ cấu chuyên môn là bộ văn hóa đa nguyên để quản trị chuyện ấy. Người chấp hành là các học viện, do các đại học chấp hành. Chuyện này hay lắm, hết sức tốt đẹp! Vì các học viện chẳng thiên vị một tôn giáo nào, quyết định là giữ địa vị trung lập, đối với mỗi tôn giáo đều tốt đẹp. Vì thế, tôi được tiếp xúc [với những vị thuộc] ngành giáo dục bậc cao, có cơ duyên cùng những vị giáo sư thuộc các học viện đi dự hội nghị tọa đàm hai lần. Không ngờ, học viện trao tặng tôi bằng Tiến Sĩ danh dự, mời tôi làm giáo sư đại học. Tôi thừa cùng các vị, tôi tốt nghiệp cấp hai, tuy học vấn của tôi rất thấp trong trường, nhưng tôi có công phụ năm mươi năm nơi Phật học. Tôi dạy học, [tức là] giảng kinh dạy học cho đến năm đó dường như là đã bốn mươi ba năm. Giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi ba năm; đây là những thứ thực tại bày ra trước mặt. Chúng tôi tiến hành tọa đàm với các giáo sư, các giáo sư nêu ra câu hỏi, tôi đều có thể giải đáp từng vấn đề một. Dựa vào đâu? Phật pháp. Phật pháp xác thực là trí huệ viên mãn. Đáng tiếc là bản thân chúng tôi vẫn chẳng đạt tới viên mãn, học đã nhiều năm ngàn ấy, chẳng có đại trí huệ, chỉ mở mang một chút trí huệ. Một chút trí huệ ấy vẫn dùng được. Vì thế, người thật sự có học vấn chân thật, kẻ khác chẳng thể coi rẻ được!

Nhất là trong hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, phương tiện thông tin phát triển. Hiện thời, chúng tôi giảng kinh, dạy học, lợi dụng mạng lưới Internet, lợi dụng truyền hình vệ tinh, bất cứ nơi nào trên toàn cầu đều có thể tiếp nhận. Sự ảnh hưởng này xác thực là chẳng giống như trước kia, trong khoảng thời gian rất ngắn bèn có ảnh hưởng rất lớn. Vì vậy, suốt đời tôi không xây cất chùa miếu, [bởi lẽ] chùa miếu chẳng có sức ảnh hưởng to lớn. Tôi biết truyền hình vệ tinh và mạng Internet có ảnh hưởng to lớn, tôi dùng những thứ ấy làm đạo tràng, ở nơi phải thuê mướn cũng được, chẳng cần chính mình phải có đạo tràng. Hằng ngày khăng khăng chẳng mệt, nghiêm túc nỗ lực nâng cao cảnh giới của chính mình, giúp người khác học Phật. Học Phật nói chung chẳng ngoài chuyện giúp cho kẻ khác “quay đầu là bờ”, giúp kẻ khác đoạn ác tu thiện, giúp người ta phá mê khai ngộ. Mục đích chung cực là giúp đỡ họ “chuyển phàm thành thánh”. Quý vị nói xem, sự nghiệp ấy có nhiều ý nghĩa, nhiều giá trị, sung sướng như thế đó! Đây mới là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Cái duyên ấy cũng chẳng phải là rất dễ dàng đạt được. Nói tổng quát bằng một câu, nhà Phật nói “duyên” chính là nói hết sức chính xác, nói khiến cho người ta [nghe xong] chẳng thể không nắm vóc gieo sát đất, đều là do duyên!

Trong xã hội hiện thời, [xem xét] câu này (“gia cụ túc”), [sẽ thấy] dấu sanh trong nhà ngoại đạo, nếu người ấy có duyên gặp gỡ Phật pháp, sẽ có thể cải biến. Người từ tôn giáo khác chuyển sang học Phật rất nhiều, tôi đã gặp không ít. Khi tôi gặp mặt, luôn dùng chánh pháp khuyên họ, chẳng cần thay đổi tín ngưỡng tôn giáo của quý vị. [Ép buộc kẻ khác phải thay đổi tôn giáo để học Phật] là sai lầm!

Quý vị học Phật là chánh xác! Vì sao? Đức Phật là thầy của quý vị. Ví như quý vị là tín đồ đạo Thiên Chúa, quý vị tín ngưỡng Chúa Trời. Thượng Đế là chủ, là cha của quý vị. Quý vị theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là thầy, thầy và cha mẹ ta chẳng xung đột. Vậy thì quý vị nói “ta muốn từ bỏ cha mẹ, chẳng cần cha mẹ nữa, đi theo thầy”, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thân nhận quý vị. Vì sao? Quý vị bất hiếu! Sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Quý vị đã bất hiếu đối với cha mẹ, làm sao Thích Ca Mâu Ni Phật có thể thân nhận quý vị cho được? Phải biết điều này! Từ kinh Phật, chúng ta đã thấy rất nhiều. Quý vị thấy rất nhiều tín đồ tôn giáo Bà La Môn, Du Già, Số Luận, Ấn Độ vào thời cổ có rất nhiều tín đồ tôn giáo như thế ấy, các bậc học giả hoặc lãnh đạo tôn giáo hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo. Đây là giáo dục! Mỗi quan hệ giữa chúng ta và Thích Ca Mâu Ni Phật là quan hệ thầy trò, mỗi quan hệ giữa chúng ta và các vị Bồ Tát là quan hệ bạn học. Các Ngài học trước chúng ta, chúng ta học sau. Chúng ta là bạn học lớp trước và lớp sau, phải hiểu rõ ràng, minh bạch, chẳng giống như tôn giáo!

Trong tôn giáo có thần, có một vị chân thần duy nhất, hoặc một vị chân chúa duy nhất, con người chẳng thể là chân chúa, chẳng thể làm thần! Trong Phật giáo, tất cả hết thảy mọi người đều có thể làm Phật, vì sao? Phật là một danh xưng học vị trong Phật giáo, học vị cao nhất gọi là Phật Đà. Rất giống như trong các viện đại học hiện thời, học vị cao nhất là Tiến Sĩ. Quý vị học hành chăm chỉ đều có thể đạt được học vị Tiến Sĩ. Do vậy, đức Phật mới nói: “*Hết thảy chúng sanh đều là vị lai Phật*”. Lời này nói chẳng sai, phải hiểu chuyện này, chớ nên nầy sanh hiểu lầm! Tín đồ của bất cứ tôn giáo nào cũng đều có thể học Phật hay không? Đều có thể học Phật! Vì thế, tôi đối xử với những tôn giáo khác hết sức tốt đẹp, quan hệ rất tốt đẹp. Đã thông đạt, hiểu rõ chân tướng sự thật, sẽ chẳng có chướng ngại!

Do vậy, chúng ta đọc đoạn kinh văn này, nghĩ đến câu “*nói chung là gặp duyên khác nhau*”, Thiện Đạo đại sư đã nói như vậy. Ngài nói: “*Tuy niệm Phật vãng sanh, bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, nói chung là do gặp duyên khác nhau*”. Chúng ta có thể dùng câu nói ấy của Ngài để [liễu giải] duyên phận của mỗi cá nhân trong suốt một đời cũng là do gặp duyên khác nhau! Gặp duyên thù thắng, quý vị sẽ có thành tựu rất khá. Chẳng gặp duyên thù thắng, hoặc gặp phải duyên bất hảo, chúng sẽ có thể dụ dỗ quý vị đi vào con đường bất thiện, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, đáng tiếc quá! Do vậy, chúng ta phải tiếc duyên, phải tiếc quý duyên phận!

Câu thứ tư là “*Sắc cụ túc*”:

(Sớ) Hình sắc đoan nghiêm, phi xú lậu đẳng.

(疏)形色端嚴，非醜陋等。

(Sớ: Hình sắc đoan nghiêm, chẳng xấu xí, hèn kém).

“*Hình*” (形) là hình dạng, “*sắc*” (色) là thái độ của chúng ta. Dáng vẻ hòa nhã, vui tươi, đoan trang, nghiêm túc, khiến cho người khác kính yêu. Đối với

người tu hành, điều này chẳng quan trọng cho lắm, nhưng hoàng pháp sẽ rất thuận tiện. Vì hình sắc đoan nghiêm sẽ tạo hảo cảm cho người khác, pháp duyên của quý vị sẽ thù thắng; nhưng hình sắc đoan nghiêm do đâu mà có? Phải biết: Ngàn muôn phần quý vị đừng nên đi sửa sắc đẹp. Quý vị sửa sắc đẹp hoặc trang điểm thì sai mất rồi! Hậu quả sẽ là khổ sở chẳng kham nói nổi! Vì sao? Phá hoại hoàn cảnh sanh thái tự nhiên của chính quý vị. Thân thể và dung mạo của quý vị do cha mẹ sanh ra như vậy, có thể sửa đổi hay không? Có thể chứ! Dùng phương pháp gì để sửa? Đức Phật nói: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Quý vị có thể hiểu đạo lý ấy, sẽ có thể sửa được! Do đó, quý vị thấy người học Phật có những vị tướng mạo của họ biến đổi rất rõ rệt. Vốn là tướng mạo xấu xí, nay thì tướng mạo hết sức trang nghiêm. Đó là gì? Công phu đấy! Vì sao tướng mạo vốn không tốt? Tham, sân, si, mạn quá nặng! Tham, sân, si là phiền não. Cái tâm đây ấp phiền não, tướng mạo làm sao tốt đẹp cho nổi? Sau khi đã học Phật, trừ bỏ tham, sân, si, siêng tu Giới, Định, Huệ, đương nhiên là hình sắc của người ấy sẽ biến đổi. Người càng từ bi, quý vị thấy tướng của họ là tướng từ bi. Càng nhu hòa, tướng của họ là tướng nhu hòa.

Đức Phật dạy con người tu Lục Độ, Tứ Vô Lượng Tâm, tức từ, bi, hỷ, xả, lẽ nào tướng mạo chẳng tốt đẹp cho được? Đương nhiên sẽ là tốt đẹp! Tướng mạo tốt đẹp, mà thể chất cũng sẽ tốt đẹp. Khi chưa học Phật, lắm bệnh tật; khi đã học Phật, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, thân thể cũng khá hơn, các bệnh tật đều chẳng có! Đấy mới là công phu chân thật. Nếu tướng mạo không tốt, pháp duyên tiếp dẫn đại chúng sẽ bị chướng ngại! Người ta vừa trông thấy tướng mạo không tốt, chẳng muốn thân cận quý vị! Vì thế, Bồ Tát thành Phật, [tức là] Bồ Tát tu hành thành Phật, trong kinh đức Phật đã nói, vẫn phải dùng thời gian một trăm kiếp, [sử dụng] thời gian dài như vậy để chuyên môn tu phước báo. Vì sao? Phước báo có thể tiếp dẫn chúng sanh. Phước báo là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. Đấy là nói về hình sắc đoan nghiêm. Tướng mạo của Phật, Bồ Tát đều hết sức tốt đẹp, tâm địa tốt lành, thiện tâm, thiện tư duy, ngôn ngữ và hành vi đều thiện, chẳng có gì không tốt. Tướng chuyển theo tâm, biến thành hết sức thiện lương. Người thân cận kẻ ấy, sẽ tự nhiên giống như có một sức hấp dẫn thu hút, thiện cảm ứng với thiện mà! Do đó, chẳng thể dùng những thứ giải phẫu bên ngoài, chẳng thể cầu những thứ thuốc thang linh dị, những thứ ấy đều là giả! Hãy ghi nhớ: Tướng chuyển theo tâm, thể chất cũng chuyển theo tâm. Tâm chúng ta phải thanh tịnh, phải thiện lương. Thể chất thanh tịnh sẽ ít bệnh. Tâm địa thiện lương, diện mạo của quý vị liền thiện lương. Dùng phương pháp này sẽ tốt đẹp, sửa đổi vận mạng của chính mình.

Thứ năm là...

(Sớ) Cụ tượng phu tướng.

(疏)具丈夫相。

(Sớ: Đây đủ tướng tượng phu).

[Đây là] “*tướng cụ túc*” (tướng trọn đủ) [trong lời hỏi thuộc phần chánh kinh].

Tiếp đó, [lời Sớ] viết:

(Sớ) *Chư căn bất khuyết.*

(疏) 諸根不缺。

(Sớ: *Các căn chẳng khuyết.*)

Điều này cũng hết sức trọng yếu. Trong chuyện hoàng pháp lợi sanh, quý vị gặp rất nhiều thuận tiện. Tuy là như thế, người các căn chẳng trọn đủ vẫn có thành tựu, nhưng ít hơn. “*Manh*” (盲) là mù mắt, chẳng nhìn thấy, chẳng có cách nào đọc kinh vì không trông thấy. “*Lung*” (聾) là chính người ấy không nghe được. “*Á*” (啞, câm) thì người ấy có nghi vấn sẽ chẳng hỏi được. Những điều ấy đều là chướng ngại, đều gọi là “*các căn bị khuyết hãm*”. “*Chư căn*” là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đều chẳng bị thiếu hụt, đây là tướng hảo. Nghiêm túc tu hành, sáu căn của quý vị ngày càng tinh tường, ngày càng thù thắng.

Thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Cụ ngoài tám mươi, răng đã rụng, lại mọc hai cái răng, chẳng thể nghĩ bàn! Cụ vãng sanh khi đã chín mươi bảy tuổi, chẳng mất một cái răng nào. Đây là tu hành đặc lực. Cụ có thể sống trường thọ như vậy, cũng là do tu trì đặc lực. Nếu nói theo cách xem tướng thông thường, phần Địa Các³ nơi cằm của cụ chẳng dài, phần Nhân Trung còn tạm được, chứ cằm bị lép, tướng như vậy là đoản mạng, rất khó sống đến sáu mươi tuổi. Cụ sống đến chín mươi bảy tuổi, cũng là đã thật sự sửa đổi vận mạng của chính mình. Do vậy, học Phật, quý vị có thể hiểu rất nhiều điều, đều có thể ứng dụng vào cuộc sống, sửa đổi vận mạng của chính mình. Đời này sẽ sống rất hạnh phúc, rất vui sướng, đời sau càng viên mãn hơn. Đời sau là quả báo, đời này là hoa báo.

Đối với câu thứ sáu [trong phần chánh kinh], tức “*niệm cụ túc*”, [lời Sớ giảng]:

(Sớ) *Chánh niệm bất vong, diệc túc niệm hiện tiền.*

(疏) 正念不忘，亦宿念現前。

(Sớ: *Chánh niệm chẳng quên, túc niệm cũng hiện tiền.*)

“*Túc niệm*” (宿念) là trong đời quá khứ. Trong đời quá khứ, những gì người ấy đã niệm đều là chánh niệm. Duyên trong đời này hết sức thù thắng, từ bé đã gặp gỡ [Phật pháp], sanh trong gia đình rất tốt đẹp, cha mẹ và gia đình đều học Phật. Từ nhỏ đã tiếp nhận Phật pháp un đúc, do thiện căn trong đời quá khứ dẫn phát, cho nên thông minh khác người, có trí huệ bất phàm. Từ chỗ này, chúng

³ Địa Các (地閣) là phần tương ứng với cằm trong khoa xem tướng mặt. Theo quan niệm tướng số Trung Hoa, người giàu có, phong lưu, sống lâu, địa các phải đầy đặn, rộng rãi, nở nang, không được lẹm, hoặc chẻ, không hẹp, ngắn, hay lõm. Nhân Trung (人中) là cái rãnh lõm trên mặt giữa mũi và miệng. Người Hoa cho rằng nhân trung dài, rộng, sâu sẽ thọ, lắm con cháu.

ta cũng hiểu, người có thiện căn từ đời trước chẳng phải là đa số, mà là rất ít. Đại đa số chúng sanh trong đời trước đều tạo ác nghiệp. Vì thế, ác tập khí rất nặng, ác niệm rất mạnh. Nhìn từ chỗ nào? Nhìn vào lúc chúng tôi giảng kinh, nhìn từ lúc chúng tôi lên lớp, quý vị thấy có rất nhiều thính chúng khi chuyên tâm nghe giảng, do thiện căn đời trước của người ấy dẫn phát, họ bị cảm động, khóc òa, đầm đìa nước mắt, sám hối. Từ điều này quý vị có thể nhìn ra, nhưng như thế nào? Sám hối thì sám hối vậy đó; sau một hai ngày, bệnh cũ lại phát ra!

Đây là do nguyên nhân gì? Quý vị bèn hiểu, tập khí bất thiện trong đời quá khứ quá nặng. Vì vậy, họ chẳng có cách nào! Họ rất muốn sửa đổi, nhưng sửa không được, rất mong học, nói chung là do nhân duyên sai biệt chướng ngại họ. Chúng ta thường có thể thấy chuyện này! Lại quay về xét chính mình, nêu bản thân chúng ta chẳng dừng mãnh tinh tấn, mỗi ngày đều học tập, dù mài chẳng bỏ, chắc chắn là cũng bị tập khí ác tiềm nhiễm! Do vậy, có rất nhiều đồng học đến hỏi tôi: “Thầy làm thế nào để giữ cho mình chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm?” Tôi trả lời họ chỉ bằng một câu: “Đọc kinh mỗi ngày, giảng kinh mỗi ngày, quý vị sẽ chẳng bị [ô nhiễm]”. Mỗi ngày đọc kinh là mỗi ngày đều thân cận Phật, Bồ Tát. Mỗi ngày giảng kinh thì quý vị mỗi ngày đều phải chuẩn bị. Nếu quý vị chẳng chuẩn bị, lên giảng đài sẽ không thể kết thúc được, khó coi lắm, thật đấy! Đây là phương pháp đốc thúc chính mình tốt nhất. Quý vị xem nhé, thầy đốc thúc, cha mẹ đốc thúc, [chúng ta] đều có cách qua mặt, lừa gạt, dùng mảnh khỏe để chiếm lợi thế. Thính chúng đốc thúc, học trò đông đảo như vậy đốc thúc quý vị, quý vị sẽ chẳng có cách nào lừa gạt được! Chẳng thể nào không chuẩn bị nghiêm túc!

Mỗi ngày tư tưởng đều đặt nơi đạo, nơi chánh niệm; dầu có tà niệm, nó chẳng dấy lên được! [Bởi lẽ], tà niệm chẳng có duyên, còn duyên của chánh niệm hết sức đầy đủ. Kinh luận Phật giáo quá nhiều, giảng cả đời chẳng hết! Đối với bộ kinh Hoa Nghiêm này, xét theo tốc độ tiến triển hiện thời, còn phải giảng bao nhiêu năm nữa? Tối thiểu là từ mười năm trở lên. Hiện thời, chúng tôi mới giảng một phần mười, đã giảng đến hơn ba ngàn giờ, [thế mà chỉ giảng được] một phần mười! Do vậy, [để giảng những phần sau] tối thiểu là mười năm nữa! Mười năm như một ngày, niệm niệm đều đặt nơi Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, làm sao quý vị học theo thói xấu cho được? Đó là chuyện chẳng thể nào có! Nay đang trong thời kỳ Mạt Pháp, bên ngoài có sức dụ dỗ, mê hoặc to lớn, mạnh mẽ, đây là phương pháp tốt nhất để làm thế nào hòng giữ cho chính mình chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc! Đời này, bản thân tôi nhờ cách này mà đắc lực. Nếu chẳng giảng kinh [mà mong] chẳng bị cảnh giới bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, sẽ là rất khó. Quá khó lòng, cầm cự không nổi!

Câu thứ bảy [trong phần chánh kinh] là “*huệ cụ túc*” (huệ trọn đủ) [được lời Sớ giảng như sau]:

(Sớ) Huệ ngộ cao minh, thiện giải thế pháp.

(疏) 慧悟高明，善解世法。

(Sớ) Trí tuệ giác ngộ cao minh, khéo hiểu pháp thế gian).

“Thế” (世) là pháp thế gian, đúng như Tiên Sĩ Thang Ân Tử đã nói: “*Để giải quyết những vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Không Mạnh và Đại Thừa Phật pháp*”. Đại Thừa Phật pháp có thể giải quyết vấn đề xã hội, [đấy chính là] “*thiện giải thế pháp*” (khéo hiểu pháp thế gian). Vì sao? Trí huệ đã khai. Người đời chẳng liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, luôn dựa vào kinh nghiệm trong quá khứ của chính mình để suy đoán. Suy đoán thì làm sao có thể đoán đúng cho được? Các nhà khoa học tuy dựa theo phương pháp suy luận để khảo sát, vẫn chẳng đạt được câu trả lời chính xác! Do nguyên nhân nào? Trước kia, thầy Phương đã bảo tôi, lên cao hơn, lý luận học (Logic) sẽ vô dụng, siêu việt mà! Lý luận học, Nhân Minh (Hetuvidyā), và biện chứng pháp (Dialectic method) là những phương pháp luận khoa học. Phương pháp luận của khoa học cũng có phạm vi nhất định. Vượt ra ngoài phạm vi ấy, thầy đều chẳng dùng được. Thầy Phương nói Đại Thừa Phật pháp siêu việt. Thuở ấy, đức Phật thường vận dụng những phương pháp ấy vào đâu? Giáo pháp Tiểu Thừa. Đối với Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát thì dùng được, chẳng thể áp dụng với hàng Bồ Tát Ma Ha Tát. Quý vị nói xem, những lời Huệ Năng đại sư đã nói trong Đàn Kinh là siêu việt!

Do đó, đối với pháp thế gian, bất luận sanh khởi vấn đề phức tạp, khó khăn gì chi nữa, hễ gặp được trí huệ chân thật, sẽ tự nhiên hóa giải, [đó là] “*thiện giải thế pháp*”. Giúp hết thầy chúng sanh lìa khổ được vui, giúp hết thầy chúng sanh hóa giải tai nạn. Thiên tai, nhân họa, không gì chẳng phải là do ác nghiệp tác động. Lìa khỏi ác nghiệp, há có những chuyện ấy? Có rất nhiều kẻ không tin, nói đến nhân họa (人禍, tai họa do con người gây ra), chúng ta hồi tâm hướng thiện [hòng giải trừ nhân họa], cũng có lẽ họ còn có thể tin tưởng. Chứ thiên tai như động đất, bão lụt, sóng thần, núi lửa bùng nổ, vỏ trái đất nẩy sanh sự biến hóa, [họ sẽ phản bác] “những chuyện ấy có gì dính dáng đến chuyện con người tạo tác thiện hay bất thiện?” Mọi người đều nói kiểu đó! Kinh Phật bảo “có liên quan”. Lũ bình phàm chúng ta chẳng thừa nhận, đặc biệt là những kẻ thuộc giới khoa học. Trong kinh, đức Phật đã nói chuyện này, nhưng trong khoa học chẳng tìm thấy căn cứ, tìm không ra chứng cứ!

Vì vậy, trong những năm qua, Tiên Sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm về sự kết tinh của nước. Các đồng học thấy tin tức ấy trên Internet, hạ tải (download) cho tôi xem, tôi thấy vậy hết sức hoan hỷ. Vì sao? Khoa học đã chứng minh ý niệm của con người có thể biến đổi hoàn cảnh bên ngoài. Chúng ta có một niệm thiện, nước sẽ kết tinh biểu lộ hết sức đẹp đẽ. Tâm chúng ta bất thiện, nó sẽ phản ứng hết sức xấu xí. Nước là khoáng vật, chẳng phải là sinh vật. Từ thí nghiệm ấy, chúng ta khẳng định: Đúng như kinh Phật đã dạy, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, có sanh mạng, sống động! Theo giáo pháp Đại Thừa, hết thầy các pháp do đâu mà có? Do Pháp Tánh biến hiện, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, do pháp tánh biến ra. Pháp Tánh là chân tánh, nó có sẵn năng lực thấy, nghe, hay biết, có sắc, thanh, hương, vị. Thấy, nghe, hay, biết là tánh của nó. Sắc,

thanh, hương, vị là tướng của nó. Pháp Tánh, pháp tướng, toàn thể vũ trụ là sống động!

Vì thế, tôi cô vũ Tiến Sĩ Giang Bồn Thắng càng thêm gắng công! Hiện thời, ông ta mới chỉ là phát hiện sự thấy, nghe, hay, biết. Nước có thấy, nghe, hay, biết, [tức là] khoáng vật có thấy, nghe, hay, biết. Đã phát hiện nó có sắc tướng, nó hãy còn có âm thanh, còn có hương, còn có vị, mà ông ta vẫn chưa phát hiện. Hãy tiếp tục khéo gắng sức, chúng tôi cũng kết giao thành bạn bè thân thiết. A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây!

Tập 1476

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin hãy xem đoạn kinh văn thứ hai trong phẩm thứ mười một, tức phẩm Tịnh Hạnh, cũng là đoạn thứ nhất trong mười đoạn của phần Biệt Minh. Chúng ta đọc kinh văn một lượt:

(Kinh) Vân hà đắc sanh xứ cụ túc, chủng tộc cụ túc, gia cụ túc, sắc cụ túc, tướng cụ túc, niệm cụ túc, huệ cụ túc, hạnh cụ túc, vô úy cụ túc, giác ngộ cụ túc.

(經)云何得生處具足，種族具足，家具足，色具足，相具足，念具足，慧具足，行具足，無畏具足，覺悟具足。

(Kinh: Làm thế nào để được chỗ sanh đầy đủ, chủng tộc đầy đủ, nhà đầy đủ, sắc đầy đủ, tướng đầy đủ, niệm đầy đủ, huệ đầy đủ, hạnh đầy đủ, vô úy đầy đủ, giác ngộ đầy đủ?)

Lần trước, chúng ta đã học đến câu thứ bảy, tức “*huệ cụ túc*”. Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã viết: “*Huệ ngộ cao minh, thiện giải thế pháp*” (Trí huệ giác ngộ cao minh, khéo hiểu pháp thế gian). Đây là vào thời đức Thế Tôn trụ thế, thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, gần như đã gặp khắp nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề trong xã hội. Trên là từ quốc vương, đại thần, [dưới là] cho tới kẻ buôn bán nhỏ, kẻ chạy vật; trong số đó, còn có khá nhiều nhà tôn giáo, người tu hành, bậc học giả, đức Phật đều tiếp xúc. Những người ấy đối trước đức Thế Tôn nêu ra khá nhiều câu nghi vấn hoặc vặn hỏi, nay chúng ta gọi là những vấn đề “nổi cộm”, đức Phật chưa hề suy ngẫm, nghĩ ngợi, chẳng hề có, mà là trả lời ngay lập tức! Trả lời tự nhiên, trả lời thù thắng dường ấy; đây chính là “*huệ cụ túc, thiện giải thế pháp*”. Xác thực là có những kẻ cố ý gây khó dễ, đến thử thách Thích Ca Mâu Ni Phật, “coi xem rốt cuộc ông có năng lực cỡ nào?” Đức Phật chẳng tránh né, đều có thể giải đáp. Sau khi Ngài trả lời, đối phương năm vóc gieo sát đất, chẳng thể không bội phục!

Đức Phật nói lời thật, những đức năng ấy hết thảy chúng sanh vốn sẵn trọn đủ, giống như trong phẩm [Như Lai] Xuất Hiện ở phần sau kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Đức Phật biết rành mạch, rõ ràng. Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời chỉ vì một chuyện, kinh Pháp Hoa

đã dạy rất rõ ràng: “*Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời*”. Đại sự ấy chính là đại sự gì vậy? Chính là nói rõ chân tướng sự thật ấy với mọi người! Đây là đại sự, chẳng phải là chuyện vặt vãnh! Hết thấy chúng sanh có trí huệ bình đẳng, chẳng khác chư Phật Như Lai, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể! Đối với đức hạnh và tướng hảo, đức Thế Tôn thị hiện Liệt Ứng Thân, tức là ba mươi hai tướng cùng với tám mươi thứ hảo. Những tướng tốt như trong sách xem tướng thế gian đã nói đức Phật đều trọn đủ, chẳng thiếu một tướng nào! Người thế gian chỉ biết những điều ấy, họ đâu có biết đức Phật còn có Báo Thân. Báo Thân là thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, chẳng thể dùng những con số để tỷ dụ, tính toán. Người thế gian chẳng biết điều này! Vì thế, pháp Tiểu Thừa thiên về kinh nghiệm và kiến thức thông thường của người thế gian; hề nói ra, mọi người sẽ dễ hiểu. Pháp Đại Thừa khó khăn, [bởi lẽ, nó] chẳng phải là kinh nghiệm như người thế gian sở hữu, mà là cảnh giới do chư Phật Như Lai đích thân chứng nhập. Người hiện tại gọi [những giáo nghĩa Đại Thừa] là “chân tướng của vũ trụ và nhân sinh”, là chân thật, chẳng giả!

Sau khi đã hiểu rõ, chúng ta hãy nên giác ngộ, cũng là như đức Phật thường nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Vào những năm đầu nhà Thanh thuở trước, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: “*Hiếm có khó gặp kể từ vô lượng kiếp đến nay*”, [tức là nói về chuyện] được gặp Phật pháp Đại Thừa. Được làm thân người, gặp Phật pháp Đại Thừa, khó khăn dường ấy! Sau khi đã gặp gỡ, hy vọng quý vị đừng nên luống uổng đời này, hãy giải quyết đại sự nhân duyên ngay trong đời này. “*Đại sự*” ấy chính là nhập Phật cảnh giới. Chuyện này nói khó thì chẳng khó, mà bảo là dễ thì cũng chẳng dễ! Khó hay dễ chẳng do bên ngoài; khó hay dễ là do cái tâm của mỗi người. Quý vị thật tâm muốn học, sẽ chẳng khó! Quý vị chẳng dùng chân tâm để học tập, sẽ chẳng dễ dàng! Thật tâm học tập thì điều đầu tiên là quý vị phải nhận biết, tức là quý vị phải nhận thức, phải hiểu rõ. Đây chính là trí huệ, thường nói là “*thấy thấu suốt*”, quý vị phải hiểu rõ. Sau khi đã hiểu rõ, quý vị sẽ có thể buông xuống!

Đức Phật dạy: Sở dĩ phạm phu chẳng thể thành Phật, cũng có nghĩa là quý vị chẳng thể khôi phục Tánh Đức của chính mình, là vì có ba loại chướng ngại. Kinh Hoa Nghiêm gọi chúng là “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Giáo pháp Đại Thừa gọi chúng là “*phiền não*”. Chấp trước là Kiến Tu phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, vọng tưởng là Vô Minh phiền não. Nói những danh từ này, kẻ sơ học [sẽ cảm thấy] khó hiểu. Nói như kinh Hoa Nghiêm, tuy cũng chẳng dễ hiểu, nhưng mọi người nghe xong, sẽ dễ tiếp nhận hơn! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy là nghiệp nhân thật sự. Do ba loại nghiệp nhân ấy, hiện ra ba loại cảnh giới bất đồng vơi vợi. Các cảnh giới ấy chính là “*duy thức sở biến*”, tâm hiện, thức biến. Ba loại chấp trước ấy đều có! Quý vị có toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ hiện ra cảnh giới lục đạo luân hồi, đọa lạc ở trong ấy. Khi đọa lạc dễ dàng, đúng là chẳng cần thận liềm bị đọa lạc, nhưng thoát ra sẽ khó lắm! Thoát chẳng được! Nếu chúng ta thật sự giác ngộ, buông xuống chấp trước, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng còn chấp

trước, biết những tướng ấy đúng như kinh Kim Cang đã dạy: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, chẳng chấp trước nữa, thật sự có thể tự tại tùy duyên, tùy duyên mà không phan duyên, sẽ vượt thoát lục đạo!

Nhưng quý vị còn có phân biệt, còn có vọng tưởng, còn có hai thứ ấy; hai thứ ấy sẽ biến hiện thành tứ thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật trong mười pháp giới. Chư vị phải ghi nhớ: Phật trong mười pháp chính là Tương Tự Tức Phật như Thiên Thai đại sư đã nói. Tương tự, chẳng phải là thật sự; rất giống, nhưng chẳng thật, [đó gọi là] Tương Tự Tức. Đây là bốn pháp giới ở phía trên trong mười pháp giới. Nếu quý vị cũng buông phân biệt xuống, nói cách khác, chẳng còn phân biệt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, ý niệm phân biệt đã đoạn dứt, vậy thì chúc mừng quý vị. Quý vị có tư cách vượt thoát mười pháp giới.

Pháp giới ở ngoài mười pháp giới được gọi là Nhất Chân pháp giới, kinh Hoa Nghiêm gọi nó là thế giới Hoa Tạng, kinh Vãng Sanh gọi nó là thế giới Cực Lạc. Cực Lạc và Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới, chẳng phải là mười pháp giới. Điều kiện để đạt đến Nhất Chân pháp giới thường nói là “*phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”. Vô minh là gì? Vô minh là vọng tưởng, nay chúng ta nói là “khởi tâm động niệm”, đúng là chẳng dễ dàng! Thật sự dụng công là vận dụng ở chỗ nào? Ngay trong sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, dùng công phu gì? Liễu giải chân tướng sự thật. Kinh Bát Nhã nói: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ đạo lý này, buông xuống muôn duyên, tâm quý vị sẽ tịch tĩnh. Tĩnh sanh huệ! Cái tâm tịch tĩnh khởi tác dụng là trí huệ. Trí huệ ấy vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng phải là đến từ bên ngoài. Tự tánh vốn sẵn có trí huệ hiện tiền. Đây gọi là “*một đại sự nhân duyên*”.

Ân huệ của đức Phật đối với chúng sanh là ở ngay chỗ này. Nếu đức Phật chẳng nói thấu suốt, chúng ta làm sao biết được? Đức Phật nói rành rẽ, minh bạch chuyện này. Chúng ta phải mong nhập cảnh giới của Phật, vượt thoát mười pháp giới; mười pháp giới là hư vọng, chẳng chân thật. Vĩnh Gia đại sư bảo: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo. Giác rồi ba cõi rộng toang hoang*”. Lục đạo là cảnh mộng, là một giấc mộng, lẽ nào tứ thánh pháp giới lại chẳng phải là một giấc mộng cho được? Lục đạo là ác mộng, tứ thánh là hảo mộng, dầu sao đều là ở trong mộng, đều là vẫn chưa tỉnh giấc. Sau khi đã tỉnh giấc, sẽ là Hoa Tạng, là Nhất Chân, phải biết điều này! Đây mới thật sự là lìa khổ được vui. Lìa hết thấy khổ, được vui rốt ráo, chúng ta chẳng sống uổng phí đời này! Đời này chúng ta tự nhiên liễu giải rành rẽ, tự sanh lòng cảm ơn. Vì sao? Đức Phật có ân đối với chúng ta, cho chúng ta biết tin tức này. Trong đời này, ta y giáo phụng hành, nghiêm nhiên vượt thoát. Vấn đề chẳng thể giải quyết trong vô lượng kiếp, đời này đã giải quyết xong, may mắn quá! Cảm ơn cha mẹ. Nếu cha mẹ chẳng ban cho chúng ta cái thân giả này, chúng ta chẳng được làm thân người, sẽ chẳng gặp Phật pháp. Được làm thân người là do cha mẹ mà được; nhờ thầy mà được nghe Phật pháp. Toàn là ân của cha mẹ và sư trưởng. Hết thấy chúng sanh thấy đều là

Tăng Thượng Duyên của ta. Chẳng có những chúng sanh ấy giúp đỡ, chúng ta làm sao có thể buông xuống ba thứ phiền não cho được?

Phải cậy vào những ngoại duyên, thuận cảnh, thiện duyên; ở trong [những cảnh và duyên] ấy, [luyện tập] buông xuống tham, si. Nghịch cảnh và ác duyên giúp chúng ta buông xuống sân khuê, buông xuống ngu si. Do vậy, đoạn tham, sân, si ở đâu? Trong khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng dấy lên tham, sân, si, chẳng dấy khởi những ý niệm ấy, trí huệ sẽ sanh, sẽ hiện tiền, công phu sẽ đạt được. Công phu là gì? Công phu là buông xuống. Trong sự tu hành của tông Thiên Thai, có danh từ Chỉ Quán. Chỉ (止) là buông xuống, Quán (觀) là thấy thấu suốt. Lúc tôi mới học Phật, vừa mới tiếp xúc kinh Phật khoảng chừng hơn một tháng, bạn bè giới thiệu cho tôi quen biết Chương Gia đại sư. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia, ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi: “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia: “Thực hiện từ chỗ nào?” Ngài dạy tôi bố thí, dạy tôi thực hiện khởi đầu từ bố thí, tôi thật sự làm! Ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi sáu chữ: “*Khán đăc phá, phóng đăc hạ*” (thấy thấu suốt, buông xuống). Lại còn dặn dò: “*Anh thực hiện tốt đẹp suốt sáu năm; sau sáu năm, sẽ thật sự có cảm ứng*”. Do vậy, vấn đề là quý vị phải thật sự làm thì mới được. Chẳng thật sự làm, không được đâu nhé!

Câu tiếp theo [trong chánh kinh] là “*hạnh cụ túc*” (hạnh trọn đủ); trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Nhu hòa điều thiện, ly quá tu hành.

(疏) 柔和調善，離過修行。

(Sớ: Nhu hòa, điều phục cái tâm tốt lành, lìa lỗi để tu hành).

Nói hết sức đơn giản, hết sức tinh yếu. Học Phật thì điều thứ nhất là phải học nhu hòa! Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, điều đầu tiên là phải học nhu hòa, quyết định chẳng nóng nảy, bộp chộp. Phải biết điều tâm! Nói thật ra, nói theo kiểu hiện thời, “*điều tâm*” (調心) sẽ là khắc chế tập khí phiền não của chính mình! Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, có ai chẳng dấy lên thất tình ngũ dục? Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn đều hiện tiền, tham, sân, si, mạn! Tôi thường khuyên lon các đồng học, tôi nói mười sáu chữ. Thật sự mong tu hành, thật sự mong khế nhập cảnh giới của Phật, cửa ải đầu tiên là quý vị phải thật sự buông xuống. Cái đầu tiên phải buông xuống chính là lòng ích kỷ, chớ nên có ý niệm ấy. Hễ có ý niệm ích kỷ, làm sao có thể nhập cảnh giới của Phật cho được?

Có Phật tử người Hoa nào chưa hề niệm kinh Kim Cang? Kinh đã dạy rất rõ ràng: “*Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng, sẽ chẳng phải là Bồ Tát*”, không phải là [Bồ Tát]. Đầu tiên là Ngã Tướng, ích kỷ chính là ngã tướng. Nếu quý vị chẳng buông xuống, quý vị học Phật, giảng kinh, bái sám, nói đến nổi hoa trời rơi tán loạn, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Vì sao? Chẳng buông cái Ngã xuống! Đây là Ngã Chấp trong chấp trước, là căn

bản của tất cả hết thấy các phiền não. Ngã tham, ngã si, ngã ái, ngã kiến. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Bốn đại phiền não thường theo sau, làm sao quý vị có thể rời lìa lục đạo cho được!

Có những thứ ấy tồn tại, nhu hòa sẽ rất khó thực hiện! Nếu có thể phá ngã tướng, phá ngã chấp, sẽ tự nhiên nhu hòa, tự nhiên “*điều thiện*”, “*điều*” (調) là điều hòa. Mấy năm gần đây, tôi có cơ duyên tham dự một vài hội nghị hòa bình quốc tế, tôi bèn nêu ra những giáo huấn trong Phật pháp để khuyên lơn, khích lệ mọi người. Làm như thế nào thì có thể thực hiện hòa bình, hóa giải xung đột? Chuyện này chẳng phải là làm từ bên ngoài, mà phải thực hiện từ nội tâm. Đầu tiên là phải điều giải hết thấy những đối lập với người khác, phải hóa giải hết. Hóa giải hết những mâu thuẫn đối với người khác, sau đấy xung đột ở bên ngoài sẽ chẳng thể phát sanh. Do đó, điều quan trọng nhất là chúng ta chẳng đối lập với hết thấy người, sự, vật, chẳng có mâu thuẫn, chẳng có nghi hoặc, tự nhiên là chẳng có xung đột. Bản thân chúng ta làm được, sẽ dần dần ảnh hưởng đến người khác, thật sự làm được, sức ảnh hưởng sẽ rất lớn!

Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật dạy người khác, người ta đều tin tưởng? Không Tử dạy người khác, Jesus dạy người khác, Mahomed dạy người khác, mọi người đều có thể tin tưởng, do đạo lý gì vậy? Những vị đó là thánh nhân, thánh nhân là gì? Chính bản thân họ làm được, sau đấy mới dạy người khác. Người ta sẽ tin tưởng, chẳng hoài nghi những vị ấy. Vì lẽ này, tôi thường nói: Bản thân chúng ta làm được, sau đấy dạy người khác, đó là thánh nhân. Những gì do chính chúng ta đã nói, sau khi nói xong, xác thực là đều có thể làm được; đấy là hiền nhân, thấp hơn một bậc. Chúng ta nói rồi mà chính mình chẳng làm được, đó là lừa người. Nói chung, sẽ có ngày bị kẻ khác vạch trần. Sau khi đã bị vạch trần, tín tâm của người ta đối với quý vị sẽ bị mất đi, quý vị làm sao có thể cảm hóa kẻ khác cho được?

Do đó, thế gian toàn là giả, Phật pháp nói lẽ thật. Phật pháp sử dụng cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, [đó là] Phật tâm! Hết thấy chúng sanh, có kẻ nào chẳng có chân tâm? Chỉ là vì mọi người đã mê mất, mê mất như thế nào? Chấp trước cái thân này là ta, sai mất rồi! Từ trong mê hoặc, nẩy sanh vô lượng vô biên tri kiến sai lầm, đúng là “*hễ sai, bèn sai đến cùng*”! Đức Phật dạy chúng ta tu hành rất hay; quý vị thấy tám chữ ấy (“*nhu hòa điều thiện, ly quá tu hành*”) của Thanh Lương đại sư, tu hành là tu gì vậy? Tu nhu hòa, tu “*điều thiện*”, tu lìa lỗi! Đấy là thật sự tu hành. Ba chuyện ấy không chỉ nhằm đối với người khác, mà quan trọng nhất là trước hết đối với chính mình. Chính mình nhu hòa, chính mình điều hòa cái tâm tốt lành, chính mình lìa lỗi; sau đấy dạy bảo người khác, sẽ thấy chẳng khó! Bản thân chúng ta chẳng làm được, dạy người khác sẽ rất khó!

Chúng tôi học Phật đã hơn nửa thế kỷ. Trong nửa thế kỷ ấy, chúng tôi cũng từng đến thăm nhiều nước, tiếp xúc các đệ tử Phật môn trên toàn thế giới. Không chỉ là tiếp xúc Phật môn, mà còn tiếp xúc khá nhiều tín đồ tôn giáo, khiến cho chúng tôi có cảm xúc rất sâu. Cổ nhân đã nói: “*Mỗi thế hệ sau chẳng bằng thế hệ trước*”, tôi có cảm xúc sâu đậm [đối với chuyện này]! Hãy quan sát cẩn thận, vì

sao có thể sanh ra hiện tượng này? Thứ nhất là do tiếp nhận sự giáo dục khác nhau, yếu tố thứ hai là phong khí xã hội ngày càng đi xuống! Càng trở ngược về thời cổ, [càng cảm thấy] lòng người thuần hậu. Bất luận là kẻ biết chữ hay không, đều được hưởng sự giáo dục tốt lành, hiểu đạo làm người, biết tôn trọng người khác, biết “bỏ mình vì người”, đây là do đã được hưởng sự giáo dục. Còn biết chữ hay không là chuyện khác, [điều quan trọng là] họ biết làm người! Họ học Phật, chẳng biết niệm kinh, chẳng hiểu trong kinh có ý nghĩa gì, nhưng họ có thể y giáo phụng hành, có thể đạt được thành tựu.

Người hiện thời được giáo dục chẳng giống người xưa. Tuy học hành nhiều, trong đại học có Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, hàng năm chẳng biết ra trường bao nhiêu người, nhưng như thế nào? Chẳng hiểu đạo làm người! Vì thế, rất nhiều kẻ có bằng cấp cao ngất, sau khi tốt nghiệp, chẳng thể tìm được việc trong xã hội! Chủ nhân các công ty, hãng xưởng, hoặc cửa tiệm chẳng muốn thuê họ. Nguyên nhân là gì? Họ làm việc rất có năng lực, nhưng chẳng biết làm người, chẳng thể cư xử hòa thuận, chẳng thể hợp tác hỗ trợ người khác! Hiện tượng ấy mở rộng sang tôn giáo, cho đến tận Phật môn. Vì lẽ này, tôn giáo trong hiện thời, nhất là đối với Phật giáo, trong đại xã hội, trên cả thế giới, người chẳng liễu giải tôn giáo hoặc hiểu lầm tôn giáo quá đông! Có thể trách móc kẻ khác hay chẳng? Chẳng thể! Chỉ có thể nói là bản thân chúng ta chẳng làm tốt! Tôi không nói “chúng ta làm vẫn chưa đủ tốt”. “Chưa đủ tốt” thì kẻ ra vẫn còn là làm khá lắm! Chúng ta hoàn toàn chẳng làm tốt, ngay cả câu “chẳng đủ tốt” chúng ta không có tư cách để nói! Lẽ nào chẳng có làm lỗi cho được?

Đệ tử Phật môn chúng ta, bất luận tại gia hay xuất gia, nếu thật sự thực hiện rất tốt trong xã hội, đại chúng trong xã hội sẽ tôn trọng, kính yêu quý vị, biết quý vị là đệ tử Phật môn, họ cũng sẽ tôn trọng Phật môn. Do đức hạnh, trí huệ và sự cống hiến của quý vị, quý vị đã vì thế giới, vì xã hội, vì chúng sanh làm khá nhiều chuyện tốt, mọi người sẽ kính ngưỡng, cảm kích quý vị. Trong các chuyện tốt, quan trọng nhất là giúp cho chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh thoát lìa lục đạo và mười pháp giới; đó gọi là “*lìa khổ, được vui*”. Chẳng phải là như hiện thời nói “ta thoát khỏi sự bần cùng”. Cổ nhân chẳng nói như vậy! Cần phải chăm sóc cuộc sống của người bần cùng. Bần cùng là khổ, nỗi khổ ấy có mối quan hệ nhân quả. Có thể nói rõ ràng, nói minh bạch đạo lý và chân tướng sự thật của nhân quả, người ta [nghe xong] sẽ có thể sửa đổi vận mạng của chính mình. Tiên sinh Liễu Phàm chẳng phải là đã sửa đổi hay sao?

Hôm nay, còn có một đồng học đem khoảng chừng sáu kịch bản Du Tịnh Ý Ngộ Táo Thần Ký cho tôi xem. Tiên sinh Du Tịnh Ý cũng là điển hình, khuôn mẫu trong chuyện sửa đổi vận mạng. Thành tựu của ông ta vượt trội Viên Liễu Phàm, nhưng chẳng nổi tiếng như ông Viên Liễu Phàm. Danh tiếng của ông Viên Liễu Phàm, nói thật ra là do lão pháp sư Ấn Quang tuyên truyền. Thật ra, phương pháp sửa đổi lìa hiệu quả của ông Du Tịnh Ý đều vượt trội tiên sinh Liễu Phàm. Mạng có nhất định, do ai định? Do nghiệp của chính mình đã tạo trong đời quá khứ quyết định quả báo trong đời này của quý vị. Chẳng phải là do Diêm Vương định, cũng chẳng phải do Thượng Đế định, lại càng không phải là do Phật, Bồ

Tát định, [mà là] tự làm, tự chịu! Trong đời quá khứ ngu si, tạo rất nhiều ác nghiệp, đời hiện tại mọi chuyện đều chẳng như ý. Đời này đã thấu hiểu, chẳng sao cả, hãy lià lỗi để tu hành; từ nay về sau, đoạn ác tu thiện, sửa đổi vận mạng. Đây mới gọi là chân tướng sự thật. Vì thế, bản cùng mà dựa vào cứu tế thì chẳng được. Cứu tế chỉ có thể giúp đỡ trong khi ngặt nghèo, làm sao có thể cứu quý vị suốt đời cho được? Cứu quý vị cả đời ư? Há có lẽ ấy? Chẳng có lẽ ấy! Vì thế, tại Trung Hoa, Nho, Phật, tất cả các tôn giáo trên thế gian đều dạy con người đoạn ác tu thiện.

Quý vị có thể hiểu rõ đạo lý này, nghiêm túc thực hiện, tự nhiên sẽ chuyển được. Hôm nay, pháp sư Ngô Đạo mang đến một tấm ảnh cho tôi xem. [Đây là] lúc tôi mới học Phật, còn chưa xuất gia, ở trong chòi tranh của pháp sư Sám Vân, có chụp một bức hình, tính đến bây giờ, [bức hình đã] chụp cách nay bốn mươi bảy năm về trước. Bốn mươi bảy năm trước, tôi chụp cho họ. Hình như lúc ấy tôi ba mươi một tuổi, [bức ảnh ấy] rất có giá trị kỷ niệm. Khi đó, thật sự là lều tranh. Vách nhà bốn phía đều bằng những thanh trúc ken lại, bên ngoài dùng xi-măng trát lên. Quý vị thấy sơ sài dường ấy! Phía trên lợp cỏ tranh, toàn là dùng vật liệu ở trên núi ngay nơi ấy, đúng là “lều tranh”. Có tất cả bảy gian phòng, toàn là phòng rất nhỏ. Trong số ấy, căn phòng lớn nhất dùng làm Phật đường. Ba gian mỗi bên đều là liêu phòng, rất nhỏ! Nay chúng tôi ở chỗ này tại Hương Cảng, phòng ở rất hẹp, rất nhỏ. Căn phòng của chúng tôi ở tại lều tranh ấy, mỗi người ở một phòng, còn nhỏ hơn phòng ở Hương Cảng trong hiện thời. Trong mỗi phòng, chỉ có thể kê hai cái giường đơn là căn phòng ấy đã chật cứng; cũng may là người sống trong lều tranh không đông lắm. Kể cả pháp sư Sám Vân, chúng tôi chỉ có năm người.

Như vậy thì nói đến chuyện tu hành, nói thật ra, thế hệ trước đã sơ sót chuyện dạy bảo về đức hạnh cơ bản. Nay chúng tôi đã trải qua hơn năm mươi năm, mới thật sự hoảng nhiên đại ngộ: “Vì sao đệ tử Phật đối với Thập Thiện Nghiệp đều chẳng làm được?” Thập Thiện Nghiệp Đạo là yêu cầu thấp nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật đối với học trò, thật sự là cơ sở của Phật pháp, là đức mục tu học cơ bản. Lũ xuất gia và tại gia chúng ta đều chẳng làm được! Trước kia, người ta đều có thể làm được, nay chúng ta chẳng làm được! Người xuất gia tu hành, ngoài Thập Thiện Nghiệp Đạo ra, còn cần thêm Sa Di Luật Nghi, đây là cơ sở thấp nhất, mười giới, hai mươi bốn môn oai nghi. Vì vậy, xuất gia có Thập Thiện, sau đây mới có Tam Quy, Ngũ Giới.

Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, điều thứ nhất là Thập Thiện Nghiệp Đạo, điều thứ hai mới là “*thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Do vậy, điều thứ hai lấy điều thứ nhất làm cơ sở. Chẳng hiểu thảo với cha mẹ, chẳng tôn trọng thầy, quý vị chẳng thể nhập môn Thập Thiện Nghiệp Đạo, bất luận là tại gia hay xuất gia, quý vị đều chẳng vào được cửa Phật! Hiện thời, chúng ta đã thấy: “*Chỉ có hình thức, chẳng có thực chất*”; nhưng Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức. Quý vị đọc Thích Ca Phở, Thích Ca Phương Chí, sẽ hiểu rõ! Xác thực là thuở đức Thế Tôn tại thế, tất cả những vị đệ tử của Ngài, xuất gia hay tại gia tứ chúng đệ tử đông đảo, đều chú trọng thực chất, chẳng chú

trọng hình thức. Đến thời kỳ Mật Pháp, xếp hình thức thành bậc nhất, chẳng có thực chất, đấy là “*hữu danh vô thực*”. Chúng ta phải hiểu điều này, phải ngay lập tức cứu chữa. Bắt đầu cứu từ chỗ nào? Khởi đầu bằng cứu chính mình. Chính mình chẳng thể đắc độ, mà mong độ người khác, chẳng có lẽ ấy! Nhất định là trước hết phải thực hiện từ chính mình.

Kể đó là câu thứ chín [trong chánh kinh], “*vô úy cụ túc*”, Thanh Lương đại sư bảo:

(Sớ) Chí lực kiên cường, cố vô khiếp nhược.

(疏) 志力堅強，故無怯弱。

(Sớ: Chí lực cứng rắn, mạnh mẽ, nên chẳng khiếp nhược).

Vô úy! Sau đó, Ngài cũng dẫn kinh luận để giảng rõ:

(Sớ) Hựu vô úy giả, y Trí Độ Luận, Bồ Tát hữu tứ chủng vô úy, nhất tổng trì vô úy, w pháp ký trì, bất cụ vong thất.

(疏) 又無畏者，依智度論，菩薩有四種無畏，一總持無畏，於法記持，不懼忘失。

(Sớ: Lại nữa, theo Trí Độ Luận, đối với vô úy thì Bồ Tát có bốn loại vô úy. Một là tổng trì vô úy, đối với pháp ghi nhớ, gìn giữ, chẳng sợ quên mất).

Đấy là Tổng Trì Vô Úy. Có nghĩa là đối với những pháp, những kinh giáo mà quý vị đã học, quý vị đều có thể ghi nhớ, đều có thể thực hiện. “*Trì*” là thực hiện. Do vậy, “*ký trì*” (記持) là hai chuyện: Một là quý vị ghi nhớ, hai là quý vị làm được, có ý nghĩa giống như chữ “*học tập*” như Nho gia đã nói. “*Học*” (學) là quý vị có thể ghi nhớ, “*tập*” (習) là quý vị làm được, quý vị sẽ chẳng quên mất. Đấy là vô úy. Đây cũng chẳng phải là một chuyện dễ dàng. Thứ nhất là đòi hỏi phải có trí nhớ tốt, thứ hai là phải đọc thuộc. Chẳng đọc cho thông thuộc, sẽ không được! Nghiêm túc thực hiện, quý vị mới có pháp hỷ. Vì thế, “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi tập luyện, cũng chẳng vui sao), pháp hỷ rất trọng yếu!

Pháp hỷ là như xưa kia, tiên sinh Phương Đông Mỹ khi giới thiệu Phật pháp cho tôi, đã dạy: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Sự hưởng thụ cao nhất chính là pháp hỷ sung mãn. Sự hoan hỷ ấy chẳng đến từ bên ngoài, chẳng phải là tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng phải là ngũ dục, lục trần, mà là quý vị khế nhập, ngộ nhập Phật pháp. Do vậy, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, lẽ nào người ấy chẳng hoan hỷ? Hằng ngày có tiến bộ! Phật pháp rộng lớn, tinh thâm. Không chỉ là quý vị học suốt đời chẳng hết, mà đời đời kiếp kiếp đều học chẳng hết, đúng là sung sướng vô cùng! Đấy là đối với chính mình.

Thứ hai...

(Sớ) Tri căn vô úy, tri căn thọ pháp, bất cụ sai thất.

(疏)知根無畏，知根授法，不懼差失。

(Sớ: Vô úy do biết căn cơ: Biết căn cơ để truyền trao pháp [phù hợp], chẳng sợ sai sót).

Điều này nhằm nói về chuyện dạy người khác. Người thật sự có đức hạnh, có học vấn, sau khi chính mình đã thành tựu, nhất định sẽ dạy người khác. Người ấy sẽ không làm nghề nghiệp nào khác. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, sau khi đại triệt đại ngộ, Ngài liền triển khai giáo học, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, sung sướng thay! Sung sướng khôn sánh! Chẳng có chuyện gì trong thế gian vui hơn chuyện này, thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Quý vị chẳng nhập cảnh giới ấy, sẽ chẳng hiểu. Nhập cảnh giới ấy, quý vị mới có thể thật sự thấu hiểu. Cổ nhân cũng có nói một câu: “*Đắc thiên hạ anh tài nhi nhạo dục chi*” (Vui sướng vì được bồi dưỡng bậc tài năng lỗi lạc trong thiên hạ), [đó là] chuyện vui sướng nhất trong đời người. Cổ nhân cũng đã nói một câu như vậy. Nay đã hết giờ rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp câu thứ chín, tức câu “*vô úy cụ túc*” [trong chánh kinh]. Thanh Lương đại sư đã dẫn lời giảng của Trí Độ Luận về bốn loại vô úy của Bồ Tát. Loại thứ nhất là Tổng Trì Vô Úy, loại thứ hai là Trì Căn Vô Úy, đây là dạy kẻ khác. Chư Phật, Bồ Tát cho đến bậc A La Hán, các Ngài giáo hóa chúng sanh mạnh mẽ hơn bọn phàm phu chúng ta. Lậy A La Hán để nói, A La Hán có hai loại thần thông là Thiên Nhân và Túc Mạng, có thể biết trong năm trăm đời, chúng sanh đã làm những gì trong mỗi đời, mỗi kiếp. Thấu hiểu cặn kẽ tận gốc, đương nhiên là sẽ thuyết pháp khế cơ, những gì đã nói đều đúng với những điều họ đang suy nghĩ. Bồ Tát, Phật lại càng chẳng cần phải nói nữa! Phật có thể biết từ vô lượng kiếp trước cho đến kiếp này, đời đời kiếp kiếp các chúng sanh đã làm những gì, chẳng có gì Ngài không liễu giải. Do vì người đó (người được hóa độ) có đại phước báo, đại nhân duyên, nên gặp Phật. Gặp Phật, chắc chắn sẽ chẳng luống uổng, quyết định đạt được thành tựu ngay trong một đời này! Đây là do đức Phật giáo hóa khế cơ, biết căn cơ của chúng sanh, cho nên có thể chẳng nói sai! Phàm phu thì rất khó khăn, hoàn toàn cậy vào kinh nghiệm và sự từng trải của chính mình, thường là nhìn sai người, chẳng thể sánh bằng Phật được!

Đức Phật là mười thứ cụ túc, nếu chúng ta không nghiêm túc nỗ lực học tập, sẽ khó lắm! Nhưng trong Phật môn có phương pháp thiện xảo, tức là cầu nguyện vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được bốn nguyện của Phật Di Đà gia trì, năng lực của chúng ta ngay lập tức nâng cao, gần như chẳng khác Phật cho mấy, còn thù thắng hơn hàng Bồ Tát bình phàm, đương nhiên là A La Hán đuổi theo hít bụi chẳng kịp. Đây là lý do vì sao kẻ bình phàm nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, là vì đạo lý này! Đến thế giới Cực Lạc rồi mới quay lại, thường gọi là “*thả chiếc bè Từ*”, phổ độ chúng sanh. Chúng ta có Trì Căn Vô Úy thì bốn món Vô Úy của hàng Bồ Tát chúng ta sẽ đều đạt được!

Thứ ba là...

(Sớ) Quyết nghi vô úy, tùy vấn năng đáp, bất cụ bất kham!

(疏) 決疑無畏，隨問能答，不懼不堪。

(Sớ: Giải trừ nghi hoặc không sợ hãi, hỏi liền có thể đáp, chẳng sợ không kham nổi).

Chuyện này bọn phàm phu chúng ta cũng chẳng có cách nào làm được! Gặp gỡ khá nhiều người thuộc các ngành nghề, nam, nữ, già, trẻ, họ nêu ra câu hỏi mà đều có thể giải đáp, chẳng phải là chuyện dễ! Nay chúng ta hoàng pháp bên ngoài, cảnh tượng như vậy gần như thường xuyên gặp phải, làm như thế nào? Chỉ đành cầu Tam Bảo oai thần gia trì. Trừ cách ấy ra, chẳng có cách nào khác! Trước kia, thầy Lý đã dạy tôi, chí thành cảm thông! Chỉ nhằm cầu giúp đỡ người khác, giúp họ giải trừ nghi nan, giúp họ kiên định tín tâm, giúp họ dũng mãnh tinh tấn. Chẳng có may mắn nguyện vọng cá nhân trong ấy, điều gì thuộc về cá nhân cũng đều chẳng có, thì mới có thể được Phật, Bồ Tát gia trì. Chẳng được Phật, Bồ Tát gia trì, sẽ làm chẳng được!

Thứ tư là...

(Sớ) Đáp nạn vô úy.

(疏) 答難無畏。

(Sớ: Đáp lời vấn nạn chẳng sợ hãi).

“Nạn” (難) ở đây là gì? Cố ý làm khó dễ, cố ý bắt bí quý vị! Cố ý làm cho quý vị lòi cái dốt trước mặt mọi người. Có đấy! Tôi nhớ là vào năm 1977, lần đầu tôi đến Hương Cảng giảng kinh do hai vị là pháp sư Thánh Hoài và cư sĩ Tạ Đạo Liên mời. Mượn thư viện Phật giáo Trung Hoa ở phố Giới Hạn (Boundary Road) [làm chỗ giảng]; khi ấy, pháp sư Sướng Hoài tiếp nhận chức thư viện trưởng. Tôi giảng ở chỗ đó hai tháng. Trước đó, tôi và pháp sư Sướng Hoài chưa hề gặp mặt; gặp mặt lần ấy, mới biết tuổi tác chúng tôi không chênh lệch mấy. Sư nhỏ hơn tôi mấy tuổi. Tối hôm đó, cùng nhau dùng cơm, Sư bảo tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Tuổi thầy chẳng cao, mà cũng chẳng nổi danh, đến Hương Cảng giảng kinh rất chẳng dễ dàng. Người Hương Cảng chẳng nghe kinh. Dẫu là lão pháp sư trừ danh đến Hương Cảng giảng kinh thì thỉnh chúng cũng rất ít. Đại khái là ngày đầu quý vị khai giảng, họ sẽ đến ủng hộ, đến ngày cuối cùng giảng kinh viên mãn, họ sẽ lại đến, trong khoảng giữa thì không chắc!” Sư bảo: “Trong khoảng ấy, có thể là lúc thầy giảng kinh, chẳng có ai tới hết! Thầy phải chuẩn bị tâm lý nhé”. Tôi liền thưa với pháp sư Sướng Hoài: “Chuyện ấy không sao cả!” Tôi nói chúng tôi là kẻ sơ học, đang học giảng kinh, có người đến nghe thì tốt lắm, không có ai đến cũng được. Tôi thưa: “Không có ai đến thì bàn ghế bày nhiều như vậy, tôi cứ coi chúng như người đang nghe giảng là được rồi!” Pháp sư Sướng Hoài cười xòa: “Nhu vậy thì không có vấn đề chi hết”.

Ngoài ra, Sư còn bảo tôi một vấn đề nữa: “Còn có những kẻ chuyên môn đến gây khó dễ, cố ý đưa ra những câu hỏi bất chệt trong khi giảng kinh, khiến cho pháp sư lúng túng, khiến cho pháp sư bị mất mặt trước mọi người, thầy đều phải có chuẩn bị về mặt tâm lý”. Tôi nói: “Được chớ! Tôi đến đây để tiếp nhận giáo huấn”. Chúng tôi vừa khai giảng liền tiến hành liên tục hai tháng. Trong khi ấy, cũng chẳng nghỉ ngày Chủ Nhật. Mỗi ngày giảng hai tiếng đồng hồ, dành ra một giờ để dịch sang tiếng Quảng Đông. Cũng rất khó có, trong hai tháng ấy, gần như mỗi ngày đều không có ghé trống. Hơn một tuần sau, pháp sư Sướng Hoài bảo: “Pháp sư Tịnh Không! Pháp duyên của ông rất thù thắng, tôi chẳng ngờ được!” Thư viện Phật giáo Trung Hoa ở phố Giới Hạn không lớn, theo như chúng tôi thấy, độ lớn của nó chẳng khác giảng đường ở lầu mười một cho mấy! Có thể là còn lớn hơn [giảng đường của chúng ta] một chút, chỉ có thể chứa khoảng hơn một trăm người. Mỗi ngày [người nghe] đều ngồi kín chỗ, những người đến sau phải đứng ở ngoài cửa.

Sau khi giảng xong hai tháng ấy, chúng tôi đổi chỗ, đổi sang Quang Minh Giảng Đường của lão hòa thượng Thọ Dã tại đường Lam Đường (Blue Pool Road), Hương Cảng. Tiếp tục giảng ở đó hai tháng, thỉnh chúng đều đến đó. Cũng rất công bằng là thời đó còn chưa có đường hầm, mỗi lần vượt biển đều phải ngồi phà⁴. Cũng giảng hai tháng tại đó, pháp duyên rất thù thắng. Đây là lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng. Có những kẻ thường kiếm chuyện cũng đều đến nghe kinh; sau khi nghe xong, họ cũng chẳng cất vấn chi hết. Có lần, họ mời tôi dùng cơm, tôi cũng đi. Pháp sư Sướng Hoài đi cùng với tôi. Sư nói: “Những kẻ đó đều là những kẻ gây rối, đều phục vụ trong giới văn hóa tại Hương Cảng, cũng đều là những kẻ có thân phận rất lớn”. Khi dùng cơm, mọi người hết sức hoan hỷ, có nêu ra một số câu hỏi, tôi đều giải đáp cặn kẽ. Đó là lần đầu tiên đến Hương Cảng, giảng liên tục bốn tháng trời. Từ đây về sau, hầu như là mỗi năm đều sang Hương Cảng một lần, thời gian giảng kinh đại khái cũng chẳng hơn một tháng; vì thế, kết pháp duyên cùng Hương Cảng. Đó là nói về Đáp Nạn Vô Úy, thầy đều là trống lòng, kiên thành cầu Phật, Bồ Tát gia hộ, cầu Phật, Bồ Tát gia trì.

(Sớ) Hữu nạn giai thông, bất cụ nghi trệ.

(疏)有難皆通，不懼疑滯。

(Sớ: Bị vấn nạn đều [giải đáp] thông suốt, chẳng sợ bị nghi trệ).

Vì thế, học Phật, giảng kinh, hoằng pháp, không chỉ là phải hiểu kinh giáo, mà đối với pháp thế gian cũng phải liễu giải. Pháp thế gian và xuất thế gian đều có thể thông đạt, đây chẳng phải là chuyện rất dễ dàng! Trước kia, thầy Lý đã từng nêu một thí dụ. Cụ nói: “*Tam Tạng mười hai phân giáo chính là một bộ Đại Tạng Kinh, trong một đời này, quý vị có thể thông hiểu hay chẳng?*” Đối với pháp

⁴ Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán nằm ở đường Boundary, thuộc về khu Cửu Long, tức là ở trên đất liền. Còn Quang Minh Giảng Đường ở đường Blue Pool ở ngay trên đảo Hương Cảng. Hương Cảng và Cửu Long cách nhau bởi một eo biển nhỏ.

thế gian, cụ không nói gì khác, chỉ nói đến một bộ tòng thư trong pháp thế gian của Trung Hoa là Tứ Khố Toàn Thư, còn chưa bao gồm những phát minh khoa học trong hiện thời, quý vị có thể thông đạt một bộ Tứ Khố hay chăng? Chẳng thể thông đạt thì làm như thế nào? Cuối cùng, thầy tặng tôi bốn chữ, để cầu thông suốt thì cầu bằng cách nào? “*Cảm thông*”. Dùng điều gì để cầu cảm? Dùng lòng thành, tâm chân thành, chân thành đến tột bậc, [sẽ là] “*chí thành*”. Chí thành sẽ có thể cảm thông. Tôi đặc lực nhờ vào lời giáo huấn ấy của thầy, suốt đời y giáo phụng hành, đến chỗ nào, chính mình cũng đều rất chú tâm, cẩn thận. Cuối cùng, kể ra cũng được lắm, Tam Bảo gia trì, bốn mươi năm qua, trả lời những câu hỏi nghi nan do khá nhiều người nêu ra, vẫn còn có thể may mắn vượt qua. Chẳng giống như người ta thường bị bắt bí, chẳng thể đáp nổi, chẳng vượt qua được! Nếu chẳng dùng lòng chân thành cầu Phật, Bồ Tát gia trì, sẽ chẳng làm được! Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Hết thầy đều vì Phật pháp, hết thầy vì chúng sanh, chính mình hy sinh hiến dâng viên mãn, niệm nào cũng vì người khác, quyết chẳng thể có một ý niệm vì chính mình. Vì chính mình thì sẽ chẳng thông, chẳng có cảm ứng, không thông suốt được! Chớ nên không biết điều này!

Câu cuối cùng là “*giác ngộ cụ túc*”; ở đây, Thanh Lương đại sư cũng chỉ giải thích bằng tám chữ:

(Sớ) *Tánh tự khai giác, bất nhiễm thế pháp.*

(疏)性自開覺，不染世法。

(Sớ: *Tánh tự mở mang, giác ngộ, chẳng nhiễm pháp thế gian*).

Tám chữ này hay lắm! “*Tánh*” là tự tánh, là như trong Thiền Tông đã nói: “*Minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ*” bèn gọi là “*tánh tự khai giác*”. Đương nhiên là trong cảnh giới ấy, quyết định chẳng nhiễm pháp thế gian. Chẳng cần nói tới nhân gian, đối với cõi trời, phước báo của chư thiên to lớn, đối với phước trời cũng chẳng nhiễm! Biết lục đạo và mười pháp giới hư huyễn, chẳng thật; hễ quý vị tiêm nhiễm, chấp trước, sẽ phiền toái to lớn, sẽ bị đọa lạc vào đó. Thời gian chúng ta đọa lạc quá lâu; vì thế, đắm nhiễm tập khí rất sâu. Trong đời này, được nghe Phật pháp, gặp gỡ thiện tri thức thật sự dắt dìu, giúp đỡ, quý vị có thể dần dần học “*chẳng đắm nhiễm pháp thế gian*”.

Nói thật ra, thầy và cảnh duyên đều là Tăng Thượng Duyên. Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đều là người tu hành; chẳng có cơ sở tu hành trong quá khứ, đời này sẽ chẳng làm được. Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Chẳng cần nói tới hàng xuất gia, kể tại gia cũng chẳng phải là ngoại lệ. Pháp duyên suốt một đời của thầy Lý thù thắng lắm! Tôi theo cụ mười năm, cụ thường bảo ban, cổ vũ, khích lệ tôi kết pháp duyên với đại chúng. Cụ còn bảo: Cụ giảng kinh chẳng phải chỉ một đời, một kiếp này! Tôi tin tưởng [chuyện ấy]. Biết đâu đời trước cụ là một vị đại pháp sư, là người xuất gia; đời này, dùng thân cư sĩ để xuất hiện, pháp duyên vẫn thù thắng y như cũ. Ở Đài Loan, người theo cụ niệm Phật, khi tôi rời khỏi thầy, lúc tôi theo thầy thì thầy đã giảng kinh ở Đài Trung mười năm rồi, tôi theo thầy mười năm, tức là Đài Trung Liên Xã đã tồn tại hai mươi năm. Khi đó, liên hữu của Đài

Trung Liên Xã (họ có danh sách) tổng cộng gần như đến năm mươi vạn người. Có thể thấy pháp duyên thù thắng!

Nhìn vào hành trạng, nghị luận của thầy, chỗ khiến cho chúng ta hết sức kính nể, cũng như khiến cho chúng ta nghiêm túc học tập, [chính là] tám chữ [trong lời Sớ của Thanh Lương đại sư] đã mô tả [cụ Lý] khít khao, thích hợp: “*Tánh tự khai giác, bất nhiệm thế pháp*”. Thầy sống kham khổ, những gì chúng ta đã thấy thật ra vẫn chưa phải là thấy rốt ráo. Cho đến sau khi lão nhân gia viên tịch, chúng ta thấy những thứ thầy để lại mới biết. Áo lót, vớ, túc những thứ mặc bên trong, vá chằng, vá đụp, chẳng có cái nào còn mới. Học trò của thầy đông lắm! Tín đồ của thầy, đông hơn năm mươi vạn người, chẳng có ai không tôn trọng lão nhân gia, thường xuyên cúng dường Ngài, biếu tặng quần áo, biếu đồ ăn. Lão nhân gia hoan hỷ nhận lấy, để trong Liên Xã, thấy ai thiếu thôn, cần dùng, bèn ngay lập tức tặng lại cho kẻ đó. Tôi còn có mấy bộ áo lót bằng len rất tốt, dành để mặc vào mùa Đông do lão nhân gia tặng cho. Bản thân cụ mặc thứ rách nát, chúng ta đâu có biết. Cụ mặc ở bên trong, [rách nát] đâu có ai biết! Sau khi trông thấy, đối với thầy đúng là “năm vóc gieo sát đất”, chẳng nói gì được nữa! Bản thân thầy là bí thư chủ nhiệm của ty Phụng Tự Quan⁵, gián nhậm một cấp⁶, thu nhập cũng rất khá, lại còn là giáo sư đại học. Toàn bộ thu nhập thầy đều dùng để bố thí làm sự nghiệp từ thiện, ngay cả những thứ được người khác cúng dường đều đem bố thí. Đây chính là trong giai đoạn hiện tiền của thời kỳ Mạt Pháp, cụ đã nêu tấm gương tốt nhất cho chúng ta, thật sự thực hiện “*chẳng nhiệm đấm pháp thế gian*”.

Tiếp đó, cuối đoạn chú giải của Thanh Lương đại sư, Ngài đã dùng đoạn sau đây để tổng kết:

(Sớ) Hựu thử thập sự, nhược ước pháp giả, sanh tại Phật gia, thị sanh xứ cụ túc đẳng, tư chi.

(疏)又此十事，若約法者，生在佛家是生處具足等，思之。

(Sớ: Lại nữa, mười sự này, nếu xét theo pháp, sanh trong nhà Phật chính là chỗ sanh trọn đủ v.v... Hãy suy nghĩ!)

Thanh Lương đại sư sợ chúng ta sơ ý, hời hợt xem lướt qua câu này. Vì thế, Ngài lại tự chú giải thêm. “Sao” là chú giải lời Sớ. Lời Sao cũng được trích lục phần quan trọng như dưới đây, chúng ta hãy đọc một lượt.

(Sao) Hựu thử thập sự hạ.

(鈔)又此十事下。

⁵ Đây là một ty được gọi Phụng Tự Quan do chánh quyền Trung Hoa Dân Quốc lập ra để phong tặng cho con cháu của Khổng Tử. Người giữ chức quan này là trưởng họ Khổng, có nhiệm vụ trông coi điện lễ của các Khổng Miếu, cũng như chú trọng hoàng dương Khổng Học. Bí thư chủ nhiệm chính là chức vụ Chánh Văn Phòng của một ty.

⁶ “*Gián nhậm một cấp*” có nghĩa là cụ Lý giữ chức bí thư trưởng, thấp hơn ông Khổng Đức Thành một cấp, nhưng được đãi ngộ và trả lương bổng không thua chức vụ trưởng ty.

(Sao: Từ câu “lại nữa, mười sự này” trở đi).

Tức là đoạn văn chúng ta vừa đọc.

(Sao) Ước pháp, sanh tại Phật gia giả.

(鈔)約法生在佛家者。

(Sao: “Xét theo pháp, sanh trong nhà Phật”).

“Nhà Phật” là gì?

(Sao) Bồ Đề tâm gia cố, đẳng u dư cú.

(鈔)菩提心家故，等於餘句。

(Sao: [Nhà Phật chính là] nhà Bồ Đề tâm, cũng như các câu khác).

“Dư cú” (những câu khác) là mười thứ “cụ túc” sau đó.

(Sao) Vị nhị chủng tộc, tức cụ Phật chủng tánh, vị tự tánh trụ tánh, tập sở thành đẳng.

(鈔)謂二種族，即具佛種性，謂自性住性，習所成等。

(Sao: Ý nói [câu thứ] hai [trong phần chánh kinh] là “chủng tộc” [cụ túc], nghĩa là “trọn đủ chủng tánh Phật”, ngụ ý: Tự tánh trụ nơi tánh, do huân tập mà thành v.v...)

Do vậy có thể biết, “chủng tộc” ấy chính là Phật chủng tộc, tức là gì? “Phật gia” là Bồ Đề tâm, không nhất định là do nhân duyên nào mà Bồ Đề tâm của quý vị dấy khởi. Hãy ngẫm xem, trong Phật giáo Trung Hoa, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư có phải là sanh trong nhà Phật hay không? Có phải là “chủng tộc trọn đủ” hay không? Có phải là “nhà trọn đủ, sắc trọn đủ, tướng trọn đủ” cho đến “giác ngộ trọn đủ” hay không? Ngài thầy đều trọn đủ.

Lúc hai mươi bốn tuổi, Ngài đắc pháp tại [huyện] Hoàng Mai, tuổi trẻ quá! Tuổi tác quá trẻ, kẻ bình phàm chẳng nhận biết, mà cũng chẳng có vị đại đức nào nâng đỡ, hộ trì, giúp đỡ Ngài, chẳng có! Chính Ngài cũng rất thông minh, vâng nhận giáo huấn của Ngũ Tổ, tìm một nơi để ẩn náu, trốn tránh, chờ đến lúc cơ duyên chín muồi. Ngài đến ẩn nấp trong đội thợ săn mười lăm năm, [đắc pháp khi] hai mươi bốn tuổi, mười lăm năm sau thì Ngài gần như bốn mươi tuổi mới xuất hiện. Khi lộ diện, điều khó có là Tổ được pháp sư Ấn Tông hộ trì. Ấn Tông là một vị lão hòa thượng giảng kinh, thuyết pháp, tu hành bậc nhất tại Lĩnh Nam, không ai chẳng tôn kính. Ấn Tông bái Tổ làm thầy, như vậy là “nước dâng, thuyền vọt lên cao”, ngay lập tức Tổ được đề cao! Tổ là sư phụ của pháp sư Ấn Tông, vậy thì [Tổ phải là một người] lỗi lạc lắm chứ! Do vậy, thành tựu của Lục Tổ chính là sự thành tựu của pháp sư Ấn Tông. Chẳng có Ấn Tông, ai biết có Huệ Năng? Chúng ta phải hiểu điều này! Vì thế, công đức hộ pháp vượt trời hồng

pháp. Trong quá khứ, tôi đã thường nói như thế; về sau, quả nhiên, trong kinh xác thực là đức Phật đã nói như thế.

Bản thân ta chẳng thể giảng kinh, ta tu hành chẳng tốt đẹp, không sao hết! Ta hộ trì người khác, công đức của người ấy chính là công đức của ta. Bản thân ta chẳng thể dạy người khác, không sao cả! Ta có thể mở trường học, mời thầy giỏi, những học trò được dạy dỗ đều là do quý vị dạy. Đây là hộ pháp! Hoằng dương và hộ trì là một thể. Hộ pháp còn quan trọng hơn hoằng pháp. Chẳng có hộ pháp, chắc chắn là chẳng có hoằng pháp. Vì thế, hộ pháp thật sự là công đức bậc nhất. Căn bệnh lớn nhất của người đời là ganh tỵ, chướng ngại. Thấy người thật sự tu hành, thật sự có đức hạnh, bèn ôm lòng ganh tỵ, nghĩ trọn mọi phương pháp để chướng ngại, sai mất rồi! Chẳng biết quý vị được gặp gỡ [người ấy], chính là đại nhân duyên! Nếu quý vị có thể thật sự hộ trì, có thể giúp đỡ, sự thành tựu của người ấy sẽ chính là sự thành tựu của quý vị. Thành tựu của quý vị chắc chắn vượt trội sự thành tựu trong hoằng pháp của kẻ ấy. Phải hiểu đạo lý này, quả đức chẳng thể nghĩ bàn!

Kế đó:

(Sớ) Hựu cụ túc giả, duy Phật nhất nhân.

(疏)又具足者，唯佛一人。

(Sớ: Lại nữa, người trọn đủ [mười thứ ấy], chỉ có mình đức Phật).

Trọn đủ viên mãn mười thứ ấy, chỉ có một mình đức Phật! Trừ Phật ra, có [kẻ nào khác] trọn đủ hay không? Có chứ! Nhưng chẳng viên mãn như Phật, nói chung là luôn có những khiếm khuyết. Thấy đều trọn đủ những điều đó thì chỉ có mỗi mình đức Phật. “*Thấy đều trọn đủ*” cũng là nói rõ: Đến một thời đại nào đó, cái duyên đặc độ của chúng sanh chín muồi. Do cơ duyên đặc độ đã chín muồi, sẽ cảm Phật ứng hóa. Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Chỉ có thiếu số chín muồi, Phật cũng ứng đến, nhưng chẳng dùng [cái thân] trọn đủ mười thứ ấy; đáng nên dùng thân gì để đặc độ, Phật bèn hiện thân ấy. Đức Phật ở trong thế gian này, thời gian dài hay ngắn, ảnh hưởng giáo hóa cạn hay sâu, chẳng do Phật, mà là do duyên, do chúng sanh! Chúng sanh có thật sự học tập hay không? Có hăng hái mến mộ hay không? Những điều ấy có quan hệ rất lớn! Vì vậy, chúng ta thấy, trong giai đoạn này, ở nơi chốn này, chẳng có Phật xuất thế, chẳng có Bồ Tát đến ứng hóa, chúng sanh mờ mịt bất giác. Chúng ta là kẻ đã biết, bản thân chúng ta phải phát đại nguyện cầu pháp thay cho hết thấy chúng sanh. Cầu thay bằng cách nào? Bản thân ta y giáo tu hành, nghiêm túc tu hành. Ta chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh, sẽ có thể cảm động Phật, Bồ Tát xuất thế. Chúng ta làm người khai thính cho đại chúng, hướng dẫn mọi người.

Giống như thuở đức Thế Tôn trụ trong thế gian này, thị hiện thành Đẳng Chánh Giác, thị hiện thành Phật. Phạm phu không biết, chẳng ai thính. Không có ai khai thính, đức Phật sẽ “*bát Niết Bàn*”, tức là đức Phật nhập Niết Bàn, do không có ai khai thính. Vào thời đại Nam Bắc Triều, pháp sư Bảo Hương ở Tứ Xuyên là bậc Bồ Tát ứng hóa, [thế mà] không có ai khai thính, không ai nhận

biết! Thuở đó, ngài Bảo Chí Công (hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát) là thầy của đế vương. Có những tín đồ từ Tứ Xuyên đến thăm ngài Bảo Chí Công; Bảo Chí Công hỏi họ: “*Tứ Xuyên đích hương quý tiện như hà?*” Những tín đồ ấy nghe không hiểu, tưởng ngài Bảo Chí Công hỏi họ: “Ở chỗ quý vị, hương bán đắt hay rẻ”, những người ấy liền thưa: “Ở chỗ chúng tôi, hương rất rẻ, chẳng đáng tiền”. Ngài Bảo Chí Công nghe xong, bảo: “Có thể đi rồi”. Ngài cũng chẳng nói gì nữa. Sau khi trở lại Tứ Xuyên, họ gặp pháp sư Bảo Hương, kể với Sư họ đã gặp ngài Bảo Chí Công. Pháp sư Bảo Hương hỏi họ: “Ngài Bảo Chí Công nói với quý vị như thế nào?” Họ thưa: “Trước hết, ngài Bảo Chí Công hỏi chúng tôi: ‘Tứ Xuyên đích hương quý tiện như hà?’ Chúng tôi đáp ‘rất rẻ’, Ngài liền nói ‘có thể đi rồi’, chúng tôi nghe chẳng hiểu Ngài nói gì”.

Thiền sư Bảo Hương nghe lời ấy xong, liền biết: Ngài ở nơi ấy chẳng có địa vị, thật sự là một người đắc đạo, người ta cũng không coi trọng mà xem thường Ngài, có thể đi rồi! Vài hôm sau, Ngài tổ chức một đại hội Vô Già. Người Tứ Xuyên không tin Phật pháp, không ăn chay. Ngài bèn đào một cái ao phóng sanh lớn tại cửa chùa. Ngày hôm ấy, đại hội Vô Già rất đặc biệt, thiền sư Bảo Hương mời đại chúng đến dùng cơm, chẳng phải là đồ chay, mà là gà, vịt, cá, thịt thảy đều có. Mọi người hoan hỷ, đều kéo tới. Thiền sư Bảo Hương cũng cùng ăn với mọi người. Sau khi ăn xong, Sư biểu diễn. Ngài đến bên ao phóng sanh, vừa mở miệng ra, những thứ gà, vịt, cá còn sống đều bị ói ra ngoài, đập dềnh trên mặt nước. Ai nấy đều kinh ngạc! Ngài hiển lộ thân thông. Sau khi đã hiển lộ, bèn văng sanh, đứng mất! Sau đấy, mọi người mới nghĩ đến lời nói của ngài Bảo Chí Công. Thật sự là một bậc đắc đạo, không ai lưu giữ Ngài, chẳng ai hộ pháp! Bộc lộ một chút tài năng cho quý vị thấy, chờ cho đến khi quý vị biết thì đã chẳng kịp nữa, Ngài đã ra đi rồi! Trong Thần Tăng Truyện có truyện ký của thiền sư Bảo Hương. Chúng tôi giới thiệu đoạn này đến đây.

Lại xem đoạn kế tiếp.

(Sớ) Đệ nhị hữu tứ đoạn, minh Sĩ Dụng Quả.

(疏)第二有四段，明士用果。

(Sớ: Phần thứ hai gồm bốn đoạn, nói về Sĩ Dụng Quả).

Phẩm kinh này có tất cả mười một đoạn. Đoạn đầu tiên là Tổng Vấn, mười đoạn sau đó là Biệt Vấn. Tính theo cả phẩm, đoạn này là đoạn thứ ba, là đoạn thứ hai trong phần Biệt Vấn. Chúng ta đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc thắng huệ, đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ, vô lượng huệ, vô số huệ, bất tư nghị huệ, vô dũ đẳng huệ, bất khả lượng huệ, bất khả thuyết huệ?

(經)云何得勝慧。第一慧。最上慧。最勝慧。無量慧。無數慧。不思議慧。無與等慧。不可量慧。不可說慧。

(Kinh: Làm thế nào để được huệ thù thắng, huệ bậc nhất, huệ tối thượng, huệ tối thắng, huệ vô lượng, huệ vô số, huệ chẳng thể nghĩ bàn, huệ chẳng sánh bằng, huệ chẳng thể tính lường, huệ chẳng thể nói được?)

Trong phần Số Sao, Thanh Lương đại sư đã cho biết: Bốn đoạn kể đó, nói theo phần Biệt Minh sẽ là phần thứ hai, gồm các đoạn thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm. Đoạn này là đoạn đầu tiên trong bốn đoạn ấy, cả bốn đoạn đều nói về Sĩ Dụng Quả. Đoạn thứ nhất hoàn toàn nói về mười loại huệ.

(Số) Huệ vi giản trạch.

(疏) 慧為揀擇。

(Số: Huệ nhằm chọn lựa, phân biệt).

Nay chúng ta nói là “*tuyển trạch*”. Quý vị chẳng có trí huệ, sẽ chẳng biết chọn lựa. Đoạn thứ hai nói về Lục, hỏi về mười thứ lục. Lục là nói đến sự tu tập, nói đến sự tu học. Đoạn thứ ba hỏi về mười thứ “*thiện xảo*”. Mười thứ thiện xảo là nói về sự ứng dụng của trí huệ. Đoạn thứ tư là nói về đạo phẩm trợ tu, nay chúng ta nói là “*trợ đạo phẩm*”, [phần này] gồm bốn đoạn ấy.

(Số) Tất dĩ tam nghiệp nhi đắc thành tựu.

(疏) 悉以三業而得成就。

(Số: Đều do ba nghiệp mà được thành tựu).

Đều do ba nghiệp thân, ngữ, ý mà được thành tựu. Nay đối với mười câu ở chỗ này:

(Số) Kim sơ ngôn Huệ giả, tức đạo chi Thể.

(疏) 今初言慧者，即道之體。

(Số: Nay trước hết nói về Huệ thì Huệ là Thể của đạo).

Câu này hết sức trọng yếu. Tu học trong Phật pháp, bất luận tại gia hay xuất gia, mục tiêu chung cực là khai trí huệ. Do vậy, Huệ là Thể của đạo! Học Phật mà chẳng thể khai trí huệ thì sai mất rồi. Chữ “*Phật*” là tiếng Phạn, phiên âm tiếng Ấn Độ, có nghĩa là Giác. Giác cần phải cậy vào gì? Giác phải cậy vào Huệ! Huệ là Thể, Giác là Dụng. Ứng dụng trí huệ vào cuộc sống, ứng dụng vào công việc, ứng dụng vào xử sự, đãi người tiếp vật, đó gọi là Giác. Do vậy, xếp điều này hàng đầu.

(Số) Thập trung.

(疏) 十中。

(Số: Trong mười điều).

Trong mười câu hỏi ấy của Ngài (Trí Thủ Bồ Tát). Câu hỏi thứ nhất là...

(Sớ) Thắng huệ.

(疏)勝慧。

(Sớ: Huệ thù thắng).

“Thắng” (勝) là thù thắng. Trong phần chú giải, tuy Thanh Lương đại sư nói rất đơn giản, nhưng đã nói rất rõ ràng.

(Sớ) Thắng thế gian cố.

(疏)勝世間故。

(Sớ: Vì vượt trời thế gian).

Tuy chỉ có bốn chữ, ý nghĩa quá sâu. Thế gian, nói thông thường thì là lục đạo; xét trong lục đạo, tiến lên cao hơn sẽ bao gồm cả hai mươi tám tầng trời, chẳng ai có thể sánh bằng! [Tức là] trí huệ [của bậc Bồ Tát từ Thập Tín trở lên] thì không người nào trong hai mươi tám tầng trời có thể sánh bằng! Nếu nói theo nghĩa rộng, sẽ bao gồm cả mười pháp giới. Trong mười pháp giới, có Thanh Văn, có Duyên Giác, có Bồ Tát, có Phật, [trí huệ] cũng đều chẳng thể sánh bằng vị ấy. Vì sao? Chúng ta đừng nên quên đoạn trước [đã nói]: “*Vô úy trọn đủ, giác ngộ trọn đủ*”. Thanh Lương đại sư càng nói hay hơn nữa: “*Cụ túc giả, duy Phật nhất nhân*” (Chỉ mình đức Phật trọn đủ). Chữ Phật ở đây hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp. Nếu nói theo nghĩa hẹp, phải hiểu “*Phật*” là Cứu Cánh Phật, tức là vị Phật rốt ráo viên mãn. Nói theo nghĩa rộng, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên đều gọi là “*chư Phật Như Lai*”, đã vượt thoát mười pháp giới. Nói cách khác, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo là Phần Chứng Túc Phật. Tuy chưa đoạn hết vô minh, nhưng trí huệ của Ngài, xét theo mười pháp giới, chẳng có ai có thể sánh bằng Ngài!

Vì sao? Chúng sanh trong mười pháp giới, “*chúng sanh*” bao gồm cả Phật, Bồ Tát [trong mười pháp giới] đều chưa phá vô minh, vẫn dùng cái tâm tám thức, năm mươi một Tâm Sở y như cũ. Trong mười pháp giới, thầy đều dùng cái tâm ấy, chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm. Do vậy, họ chẳng phải là chân Phật. Chân Phật dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Chân tâm là gì? Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, đây là chân tâm. Người trong pháp giới học Phật, đều có “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”, nhưng chẳng phải là thật. Vì sao chẳng phải là thật? Họ chẳng buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, hãy còn có lòng ích kỷ, còn có thị phi nhân ngã, còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, còn có tham, sân, si, mạn, chẳng phải là thật! Học kiểu nào cũng học không giống! Làm sao họ có thể “*thắng thế gian*” (vượt trời thế gian) cho được? Sơ Trụ Bồ Tát lỗi lạc, phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, mà cũng chẳng có vô minh. Cái mà Ngài còn có chính là tập khí vô minh, tuy đã phá sạch vô minh, nhưng vẫn

còn đèo thêm tập khí, tuy có tập khí mà chẳng trở ngại sự! Do vậy, đối với Phật được nói ở đây [trong câu] “*duy Phật nhất nhân*” (chỉ mình đức Phật), chúng ta rất có thể nói: Chữ Phật được hiểu theo nghĩa rộng, tức là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, [đều gọi là] chư Phật Như Lai. Đây là cách nói của cư sĩ Giang Vị Nông trong bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, nói kiểu ấy rất hay! Vì thế, trí huệ của vị ấy được gọi là “*thắng huệ*”. Nói cách khác, huệ là “*phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”.

Thanh Lương đại sư giải thích câu thứ hai “*đệ nhất huệ*” (huệ bậc nhất) là...

(Sớ) *Quá Nhị Thừa cố.*

(疏) 過二乘故。

(Sớ: *Vì vượt hơn Nhị Thừa*).

Vượt hơn Thanh Văn, vượt hơn Duyên Giác. Thanh Văn và Duyên Giác được gọi là Nhị Thừa, thường gọi chung là Tiểu Thừa. Thanh Văn (A La Hán) đoạn chấp trước, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều không chấp trước, nhưng còn có tập khí. Bích Chi Phật có công phu cao hơn Thanh Văn. Bích Chi Phật là tập khí Kiên Tư chẳng có, mà tập khí chấp trước cũng chẳng có, cao hơn A La Hán. “*Đệ nhất huệ*” vượt trội các vị ấy (Thanh Văn và Bích Chi Phật). Do vậy có thể biết, Bích Chi Phật và A La Hán tuy chẳng có chấp trước, nhưng còn có phân biệt. Pháp Thân Bồ Tát ngay cả phân biệt cũng chẳng có. Vì thế, vượt trội, “*quá Nhị Thừa cố*” (vượt hơn hàng Nhị Thừa). Đó là “*đệ nhất huệ*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nói tới chỗ này.

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh

Phẩm thứ mười một,

Tịnh Hạnh Phẩm

Phần 7 hết